

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



ISO 9001 : 2008

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN**

**Sinh viên :Lê Hồng Nhung**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Đào Minh Hằng**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT  
LIỆU- CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY TNHH  
NHỰA NGỌC HẢI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

**NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Lê Hồng Nhung**

**Giảng viên hướng dẫn: ThS. Đào Minh Hằng**

**HẢI PHÒNG - 2012**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Lê Hồng Nhung

Mã SV: 120744

Lớp: QT1204K

Ngành: Kế toán- Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ  
tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải.

## NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

**CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

**Người hướng dẫn thứ nhất:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

**Người hướng dẫn thứ hai:**

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị**

**PHÂN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....  
.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2012*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*



## MỤC LỤC

<b>LỜI NÓI ĐẦU</b> .....	1
<b><u>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU- CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP</u></b> .....	4
<b><u>1.1. Tổng quan về nguyên vật liệu, CCDC</u></b> .....	4
<b><u>1.1.1. Khái niệm nguyên vật liệu, CCDC</u></b> .....	4
<b><u>1.1.2. Đặc điểm nguyên vật liệu,CCDC</u></b> .....	4
<b><u>1.1.3. Phân loại nguyên vật liệu, CCDC</u></b> .....	5
<b><u>1.1.4. Đánh giá nguyên vật liệu, CCDC</u></b> .....	7
<b><u>1.1.4.1. Tính giá nguyên vật liệu , CCDC nhập kho</u></b> .....	7
<b><u>1.1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu, CCDC xuất kho:</u></b> .....	8
<b><u>1.2. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu, CCDC trong doanh nghiệp</u></b> .....	10
<b><u>1.2.1. Chứng từ sử dụng</u></b> .....	10
<b><u>1.2.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu, CCDC trong doanh nghiệp</u></b> ....	10
<b><u>1.2.2.1. Phương pháp thẻ song song</u></b> .....	10
<b><u>1.2.2.2. Phương pháp đối chiếu luân chuyển ..</u></b> .....	11
<b><u>1.2.2.3. Phương pháp sổ dư</u></b> .....	12
<b><u>1.2.3. Tổ chức kế toán tổng hợp NVL- CCDC trong doanh nghiệp</u></b> .....	13
<b><u>1.2.3.1. TK sử dụng</u></b> .....	13
<b><u>1.2.3.2. Phương pháp hạch toán</u></b> .....	14
<b><u>1.3. Tổ chức sổ kế toán NVL- CCDC trong doanh nghiệp</u></b> .....	25
<b><u>1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung</u></b> .....	25
<b><u>1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái</u></b> .....	26
<b><u>1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ</u></b> .....	27
<b><u>1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ</u></b> .....	28
<b><u>1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính</u></b> .....	29

---

<u>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CCDC TẠI CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI</u> .....	31
<u>2.1. Khái quát chung về công ty</u> .....	31
<u>2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty</u> .....	31
<u>2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty</u> .....	32
<u>2.1.2.1. Ngành nghề kinh doanh</u> .....	32
<u>2.1.2.2. Quy trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty</u> .....	33
<u>2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty</u> .....	33
<u>2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty</u> .....	33
<u>2.1.3.2. Đặc điểm chế độ, nguyên tắc, phương pháp kế toán áp dụng tại công ty</u> .....	34
<u>2.2. Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu, CCDC tại công ty</u> .....	37
<u>2.2.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu, CCDC tại công ty</u> .....	37
<u>2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu, CCDC của công ty</u> .....	37
<u>2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu, CCDC</u> .....	37
<u>2.2.1.3. Tình hình quản lý nguyên vật liệu, CCDC tại công ty</u> .....	38
<u>2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu, CCDC tại công ty</u> .....	39
<u>2.2.2.1. Tính giá nguyên vật liệu, CCDC nhập kho</u> .....	39
<u>2.2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu, CCDC xuất kho</u> .....	39
<u>2.2.3. Trình tự thủ tục nhập, xuất kho NVL- CCDC tại công ty</u> .....	40
<u>2.2.3.1. Trình tự thủ tục nhập kho</u> .....	40
<u>2.2.3.2. Trình tự thủ tục xuất kho</u> .....	44
<u>2.2.4. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu, CCDC tại công ty</u> .....	47
<u>2.2.5. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, CCDC tại công ty</u> .....	58
<u>2.2.5.1. Tài khoản kế toán sử dụng</u> .....	58
<u>2.2.5.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu</u> .....	59
<u>2.2.5.3. Kế toán tổng hợp Công cụ dụng cụ</u> .....	63
<u>2.3. Nhận xét chung về tổ chức kế toán NVL- CCDC tại công ty</u> .....	69
<u>2.3.1. Những kết quả đạt được</u> .....	70

---

<u>2.3.2. Những tồn tại cần khắc phục .....</u>	<b>71</b>
<u>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU, CCDC TẠI CÔNG TY.....</u>	<b>74</b>
<u>3.1. Định hướng phát triển của công ty .....</u>	<b>74</b>
<u>3.2. Một số ý kiến đề xuất về tổ chức kế toán nguyên vật liệu, CCDC tại công ty .....</u>	<b>74</b>
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>82</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>83</b>

## LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành khóa luận này, em xin tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến cô ThS. Đào Minh Hằng, đã tận tình hướng dẫn trong suốt quá trình viết khóa luận tốt nghiệp.

Em chân thành cảm ơn quý Thầy, Cô trong khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng đã tận tình truyền đạt kiến thức trong 4 năm học tập. Vốn kiến thức được tiếp thu trong quá trình học không chỉ là nền tảng cho quá trình nghiên cứu khóa luận mà còn là hành trang quý báu để em bước vào đời một cách vững chắc và tự tin.

Em chân thành cảm ơn Phòng kế toán- công ty TNHH nhựa Ngọc Hải đã cho phép và tạo điều kiện thuận lợi để em thực tập tại công ty. Em xin gửi lời cảm ơn đến toàn thể cán bộ nhân viên tại công ty đã giúp đỡ em trong quá trình thu thập số liệu.

Cuối cùng, em kính chúc quý Thầy, Cô, tập thể nhân viên tại công ty dồi dào sức khỏe và thành công trong sự nghiệp.

Trân trọng kính chào !

*Hải Phòng, ngày 29 tháng 06 năm 2012*

Sinh viên

Lê Hồng Nhung

## Lời mở đầu

### 1. Lý do chọn đề tài

Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp sản xuất muốn tồn tại và phát triển nhất định phải có phương án sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế. Một quy luật tất yếu trong nền kinh tế thị trường là cạnh tranh, doanh nghiệp phải tìm mọi biện pháp để đứng vững và phát triển trên thương trường, đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng với sản phẩm chất lượng cao và giá thành hạ.

Chính vì vậy, các doanh nghiệp sản xuất phải giám sát từ khâu đầu tới khâu cuối của quá trình sản xuất kinh doanh. Tức là từ khâu thu mua nguyên vật liệu đến khâu tiêu thụ sản phẩm và thu được tiền về nhằm đảm bảo việc bảo toàn và tăng nhanh tốc độ chu chuyển vốn, người lao động và doanh nghiệp có lợi nhuận để tích lũy và mở rộng sản xuất.

Để thực hiện được điều đó thì doanh nghiệp phải tiến hành đồng bộ các biện pháp quản lý mọi yếu tố có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh công tác kế toán là một bộ phận cấu thành của hệ thống công cụ để quản lý các hoạt động kinh tế, kiểm tra việc sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn nhằm đảm bảo tính năng động, sáng tạo, tự chủ trong sản xuất kinh doanh, tính toán và xác định hiệu quả kinh tế.

Nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ là một yếu tố rất quan trọng trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp, thường chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Vì vậy, việc kế toán nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ là không thể thiếu và phải đảm bảo 3 yêu cầu của công tác kế toán đó là: chính xác, kịp thời và toàn diện. Kế toán nguyên vật liệu có đảm bảo được 3 yêu cầu trên mới đảm bảo cho việc cung cấp nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ kịp thời và đồng bộ cho nhu cầu sản xuất, kiểm tra và giám sát chặt chẽ chấp hành các định mức tiêu hao, dự trữ, nhờ đó góp phần giảm bớt chi phí, dẫn đến hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

Kế toán nguyên vật liệu-công cụ dụng cụ là một khâu quan trọng trong công tác hạch toán kế toán. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu tốt sẽ cung cấp thông tin kịp thời và chính xác các thành phần kế toán khác trong công tác kế toán ở doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, nền kinh tế thị trường mở với sự hòa nhập với nền kinh tế thế giới, rất nhiều các nhà đầu tư nước ngoài đã vào Việt Nam, từ đó đòi hỏi chế độ hạch toán kế toán nói chung và kế toán nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ nói riêng phải có những đòi hỏi cho phù hợp và ngang bằng với các nước khác trên thế giới. Do đó, hiện nay, chế độ hạch toán kế toán chung và kế toán nguyên vật liệu-công cụ dụng cụ nói riêng đã được ban hành trên nguyên tắc thỏa mãn các yêu cầu và năng lực quản lý kinh tế thị trường, tôn trọng và vận dụng có chọn lọc các chuẩn mực và thông lệ kế toán quốc tế phổ biến.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải, được tìm hiểu kỹ hơn về công tác kế toán của doanh nghiệp, em nhận thấy rằng công ty Ngọc Hải cũng như nhiều doanh nghiệp sản xuất khác, cần đặc biệt quan tâm và chú trọng hơn cả về quá trình hạch toán kế toán nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ.

Bởi vậy, công tác kế toán nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ, để cung cấp kịp thời, chính xác số liệu phục vụ cho khâu tính giá thành sản phẩm, nhận vật tư của công ty và thu mua vật tư từ bên ngoài tại công ty là một khâu quan trọng.

Kế toán chính xác chi phí nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ giúp công ty tiết kiệm được tiền vật tư tiền vốn làm giá thành sản phẩm hạ sẽ thu hút được khách hàng, tạo thế mạnh cạnh tranh trên thị trường. Như vậy vòng quay của vốn lưu động tăng nhanh từ đó nâng cao được lợi nhuận giúp công ty hoàn thành mức chỉ tiêu công ty giao cho để có điều kiện cải thiện đời sống cán bộ công nhân viên, đầu tư thêm cho dây chuyền sản xuất, mở rộng mặt hàng.

Nhận thức được tầm quan trọng của kế toán nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ, em xin được lựa chọn đề tài này để làm nội dung cho bài luận văn: “ **Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải**”.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

- Hệ thống hóa lý luận về kế toán nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ tại doanh nghiệp sản xuất.

- Tìm hiểu và đánh giá thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải.

- Kiến nghị và đề xuất giải pháp.

## **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu Khóa luận là tổ chức kế toán nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ tại doanh nghiệp sản xuất.

Phạm vi nghiên cứu là đi sâu nghiên cứu tổ chức kế toán nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải trong tháng 06 năm 2011.

## **4. Phương pháp nghiên cứu**

## **5. Kết cấu khóa luận**

Nội dung đề tài, ngoài phần mở đầu và kết luận, khóa luận gồm 3 chương:

**Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về tổ chức kế toán nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.**

**Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ tại Công ty TNHH nhựa Ngọc Hải.**

**Chương 3: Một số ý kiến đề xuất về tổ chức kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tại công ty.**

**CHƯƠNG 1:**  
**LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU-**  
**CÔNG CỤ DỤNG CỤ TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT**  
**KINH DOANH**

**1.1. Tổng quan về nguyên vật liệu, CCDC**

**1.1.1. Khái niệm NVL-CCDC**

a. Nguyên vật liệu

- Nguyên vật liệu là những đối tượng lao động thể hiện dưới dạng vật hóa, là tài sản dự trữ ngắn hạn của doanh nghiệp.

- Nguyên vật liệu là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể sản phẩm dịch vụ, nó tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất kinh doanh, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm sản xuất ra. Nếu thiếu nó thì quá trình sản xuất kinh doanh không thể tiến hành được, vật liệu được cung cấp đầy đủ đồng bộ, đảm bảo chất lượng là điều kiện quyết định khả năng tái sản xuất mở rộng.

b. Công cụ dụng cụ

- Là những tư liệu lao động không thỏa mãn tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định để xếp vào tài sản cố định.

**1.1.2. Đặc điểm nguyên vật liệu, CCDC**

a. Đặc điểm Nguyên vật liệu

- Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một quá trình sản xuất  
- Khi tham gia vào sản xuất, giá trị của vật liệu được chuyển dịch toàn bộ vào giá trị sản xuất mới

- Khi tham gia vào quá trình sản xuất, nguyên vật liệu bị biến dạng hoàn toàn, nói cách khác, toàn bộ hình thái vật chất ban đầu của nguyên vật liệu không còn.

b. Đặc điểm công cụ dụng cụ

- Tham gia vào nhiều quá trình sản xuất.

- Khi tham gia vào sản xuất, giá trị của CCDC chuyển dịch từng phần vào giá trị sản xuất mới.

- CCDC giữ nguyên hình thái vật chất cho đến khi hư hỏng.



### 1.1.3. Phân loại nguyên vật liệu, CCDC

#### a. Nguyên vật liệu

Để sản xuất ra sản phẩm doanh nghiệp phải sử dụng một khối lượng nguyên vật liệu lớn bao gồm nhiều thứ, nhiều loại mỗi loại có tác dụng khác nhau trong quá trình sản xuất. Trong điều kiện đó đòi hỏi doanh nghiệp phải phân loại vật liệu một cách hợp lý thì mới tổ chức tốt việc quản lý và hạch toán vật liệu.

Có nhiều cách phân loại nguyên liệu theo tiêu thức khác nhau. Hiện nay chủ yếu phân loại theo vai trò và tác dụng của vật liệu trong sản xuất của các doanh nghiệp như sau:

- **Nguyên liệu, vật liệu chính:** Là đối tượng lao động chủ yếu trong doanh nghiệp, là cơ sở vật chất chủ yếu hình thành nên thực thể của sản phẩm mới. Như sắt, thép trong công nghiệp cơ khí, gạch ngói, xi măng trong xây dựng...

- **Vật liệu phụ:** Vật liệu phụ cũng là đối tượng lao động nhưng vật liệu phụ không phải là cơ sở vật chất chủ yếu hình thành nên sản phẩm mới vật liệu phụ thường được sử dụng kết hợp với vật liệu chính nâng cao chất lượng sản phẩm, hoàn thiện sản phẩm. Như màu sắc, hình dáng, mùi vị, hay dùng để bảo quản phục vụ hoạt động của tư liệu lao động hay phục vụ cho lao động của công nhân viên chức.

- **Nhiên liệu:** Có tác dụng cung cấp nhiệt lượng cho quá trình sản xuất kinh doanh, nhiên liệu gồm có: xăng, dầu, khí đốt, củi...

- **Phụ tùng thay thế, sửa chữa:** là những chi tiết phụ tùng máy móc, thiết bị mà doanh nghiệp mua sắm dự trữ phục vụ cho việc sửa chữa máy móc thiết bị.

- **Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản:** bao gồm các vật liệu và thiết bị (cần lắp, không cần lắp, vật kết cấu, công cụ, khí cụ...) mà doanh nghiệp mua vào nhằm mục đích đầu tư cho xây dựng cơ bản.

- **Phế liệu:** Là các loại vật liệu thu được trong quá trình sản xuất hay thanh lý tài sản có thể dùng hay bán ra ngoài, phế liệu đã mất hết giá trị sử dụng ban đầu như (sắt vụn, gỗ vụn, gạch ngói vỡ, phôi bào...)

- **Vật liệu khác:** Bao gồm các loại vật liệu còn phải ngoài các thứ chưa kể tên trên như bao bì, vật đóng gói, các loại vật tư đặc trưng...

Trên thực tế việc xây lắp nguyên liệu, vật liệu theo từng loại như đã trình bày ở trên là căn cứ vào công dụng chủ yếu của nguyên vật liệu ở từng đơn vị cụ thể, vì có thể nguyên liệu, vật liệu ở đơn vị này là nguyên vật liệu chính nhưng đơn vị khác là nguyên vật liệu phụ. Để phục vụ tốt hơn yêu cầu quản lý chặt chẽ, Nguyên vật liệu cần phải biết được một cách đầy đủ, cụ thể rõ hiện cả và tình hình biến động từng thứ nguyên vật liệu được sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Vì vậy nguyên liệu vật liệu cần phải phân chia một cách chi tiết hơn theo quy cách phân cấp của nguyên liệu, vật liệu.

b. Công cụ dụng cụ

Có 3 cách phân loại công cụ dụng cụ:

- \* Căn cứ vào cách phân bổ chi phí:
  - Loại phân bổ 1 lần
  - Loại phân bổ 2 lần
- \* Căn cứ vào yêu cầu quản lý và ghi chép của kế toán:
  - Công cụ dụng cụ
  - Bao bì luân chuyển
  - Đồ dùng cho thuê
- \* Căn cứ vào nội dung kinh tế:
  - Lán trại tạm thời, đà giáo, cốp pha dùng trong xây dựng cơ bản
  - Bao bì tính giá riêng dùng để đóng gói sản phẩm, hàng hóa trong quá trình bảo quản hoặc vận chuyển.
  - Dụng cụ, đồ nghề bằng thủy tinh, sành sứ.
  - Phương tiện quản lý, đồ dùng văn phòng.
  - Quần áo bảo hộ lao động.
  - Công cụ, dụng cụ khác.

#### 1.1.4. Đánh giá nguyên vật liệu, CCDC

\* Đánh giá vật tư nhập kho: Nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ (HTK) được tính theo giá gốc (giá thực tế mà đơn vị phải bỏ ra để có được NVL-CCDC )

Giá gốc = chi phí thu mua HTK + chi phí chế biến HTK + chi phí liên quan trực tiếp khác để có được HTK

\* Đánh giá vật tư xuất kho: tùy vào từng doanh nghiệp lựa chọn phương pháp tính giá vật tư xuất kho

- Phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)
- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)
- Phương pháp đích danh

##### 1.1.4.1. Tính giá nguyên vật liệu , CCDC nhập kho

❖ Với NVL- CCDC nhập kho từ nguồn mua ngoài

Giá thực tế hàng nhập kho	=	Giá mua ghi trên hóa đơn	+	Chi phí thu mua thực tế phát sinh	+	Các khoản thuế không được hoàn lại	-	CKTM, giảm giá hàng mua được hưởng
---------------------------	---	--------------------------	---	-----------------------------------	---	------------------------------------	---	------------------------------------

\* Chi phí thu mua bao gồm:

- Chi phí vận chuyển
- Chi phí xếp dỡ
- Chi phí lưu kho bãi trong quá trình mua
- Chi phí hao hụt tự nhiên trong định mức

\* Các khoản thuế không được hoàn lại:

- Thuế nhập khẩu
- Thuế TTĐB của hàng nhập khẩu
- CKTM, giảm giá hàng mua

\* CKTM, giảm giá hàng mua: là khoản giảm trừ được hưởng khi mua hàng, mua mặt hàng gì thì trừ vào mặt hàng đó.

❖ Với NVL-CCDC do doanh nghiệp tự sản xuất, tự gia công, tự chế biến nhập kho:

Giá thực tế hàng nhập kho = giá thành sản xuất thực tế

❖ Với NVL- CCDC nhập kho từ nguồn thuế ngoài gia công:

Giá thực tế hàng nhập kho = Giá trị vật tư xuất đi thuê ngoài gia công + Các chi phí liên quan đến gia công

❖ Chi phí liên quan đến gia công gồm:

- Tiền thuê gia công
- Chi phí vận chuyển
- Chi phí xếp dỡ vật liệu đến nơi gia công, từ nơi gia công về doanh nghiệp

❖ Với NVL- CCDC nhập kho từ nguồn nhận góp vốn:

Giá thực tế hàng nhập kho = Giá trị vốn góp do các bên thỏa thuận + Chi phí liên quan đến tiếp nhận

❖ Với NVL-CCDC nhập kho từ nguồn viện trợ, tặng thưởng:

Giá thực tế hàng nhập kho = Giá do hội đồng tiếp nhận xác định trên cơ sở giá thị trường tương đương + Chi phí liên quan đến tiếp nhận

❖ Phế liệu thu hồi nhập kho

Giá thực tế = giá ước tính có thể sử dụng được hay bán được

#### 1.1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu, CCDC xuất kho

❖ Xác định giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền

Giá thực tế hàng i xuất kho = Lượng thực tế hàng i xuất kho + Giá đơn vị bình quân của hàng i

Giá đơn vị bình quân có thể được tính theo 2 cách sau:

- Giá đơn vị bình quân cả kỳ (bình quân gia quyền cả kỳ)

$$\begin{array}{r} \text{Giá đơn vị} \\ \text{bình quân cả} \\ \text{kỳ của hàng} \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Giá thực tế hàng} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Giá thực tế hàng} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Lượng thực tế hàng} \\ \text{tồn kho đầu kỳ} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Lượng thực tế hàng} \\ \text{nhập trong kỳ} \end{array}}$$

- Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn)

$$\begin{array}{r} \text{Giá đơn vị bình quân} \\ \text{sau lần nhập } j \end{array} = \frac{\begin{array}{r} \text{Giá thực tế hàng tồn kho} \\ \text{sau lần nhập } j \end{array}}{\begin{array}{r} \text{Lượng thực tế hàng tồn} \\ \text{kho sau lần nhập } j \end{array}}$$

❖ Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này số vật liệu nào nhập trước thì ưu tiên xuất trước, xuất hết số nhập trước rồi mới đến số nhập sau theo giá thực tế của từng số hàng xuất. Hay nói cách khác giá thực tế của vật liệu mua trước sẽ được dùng làm giá để tính giá thực tế và do vậy giá trị vật liệu tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của vật liệu mua vào sau cùng.

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp giảm phát

❖ Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)

Phương pháp này giả định những vật liệu mua sau cùng sẽ được xuất trước tiên

Phương pháp này áp dụng trong trường hợp lạm phát

❖ Phương pháp đích danh

Theo phương pháp này NVL- CCDC được xác định theo giá trị đơn chiếc hay từng lô và giữ nguyên từ lúc nhập vào cho đến lúc xuất dùng khi xuất vật liệu nào thì tính theo vật liệu đó.

Phương pháp này áp dụng trong các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc các mặt hàng có tính tách biệt, có điều kiện bảo quản riêng.

## 1.2. Tổ chức kế toán nguyên vật liệu, CCDC trong doanh nghiệp

### 1.2.1. Chứng từ sử dụng

Theo chế độ chứng từ kế toán quy định ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính, các chứng từ kế toán về nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ bao gồm:

- Phiếu xuất kho (01-VT)
- Phiếu nhập kho (02-VT)
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (03- VT)
- Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ (04-VT)
- Biên bản kiểm kê vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá (05-VT)
- Bảng kê mua hàng (06-VT)
- Bảng phân bổ nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (07-VT)
- Hoá đơn Giá trị gia tăng (01GTKT-3LL)
- Hoá đơn bán hàng thông thường (02GTGT-3LL0)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (03 P XK-3LL)
- Phiếu xuất kho hàng gửi đại lý (04 HDL-3LL)

Đối với các chứng từ bắt buộc phải lập kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định về mẫu biểu, nội dung phương pháp lập. Người lập chứng từ phải chịu trách nhiệm về tính hợp lý, hợp pháp của các chứng từ về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

### 1.2.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu, CCDC trong doanh nghiệp

#### 1.2.2.1. Phương pháp thẻ song song

**Tại kho:** phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng, giảm vật liệu, CCDC về mặt lượng

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ nhập xuất vật tư (phiếu nhập- phiếu xuất) thủ kho thực hiện việc nhập- xuất kho và ghi số lượng vật tư thực nhập, thực xuất vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và thẻ kho

- Mỗi chứng từ được ghi vào một dòng trên thẻ kho. Thẻ kho được mở theo từng danh điểm vật tư.

- Hàng ngày hoặc định kỳ, thủ kho phải tập hợp chứng từ nhập- xuất vật tư và giao cho kế toán .

- Cuối tháng, thủ kho phải tiến hành cộng tổng số lượng vật tư nhập- xuất trong tháng, từ đó tính ra lượng vật tư tồn cuối tháng theo từng danh điểm vật tư.

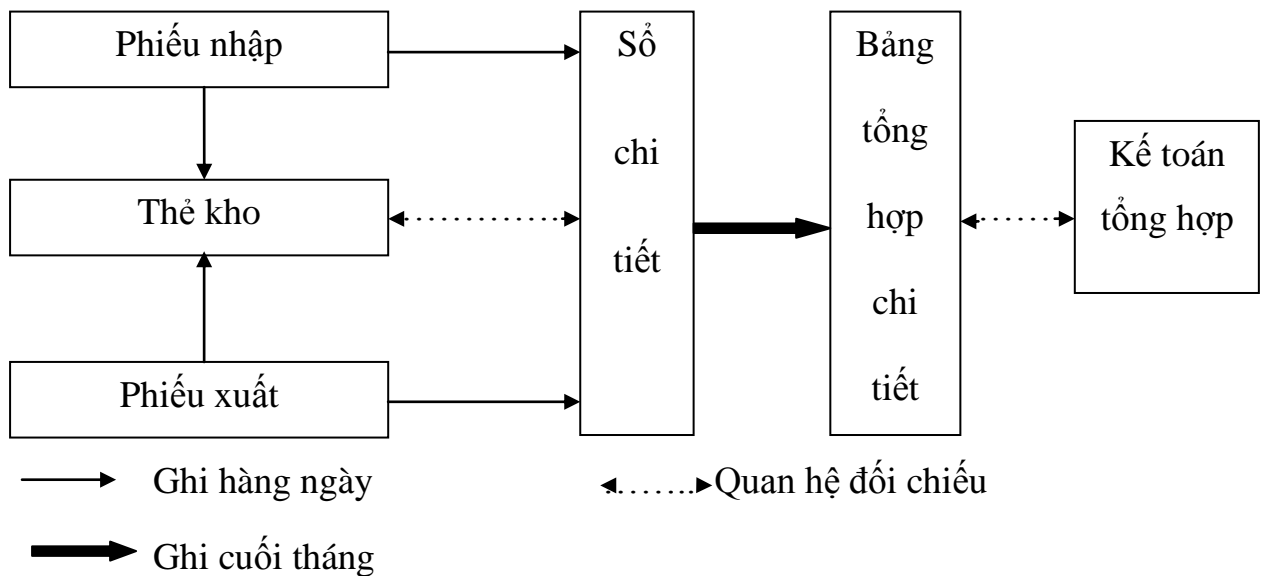
**Tại phòng kế toán:** phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng, giảm vật tư, CCDC về cả mặt lượng và giá trị.

- Kế toán vật tư mở thẻ (sổ) kế toán chi tiết vật tư theo từng danh điểm vật tư tương ứng đã ghi ở thẻ kho.

- Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập- xuất vật tư do thủ kho chuyển tới, kế toán vật tư phải kiểm tra, ghi đơn giá và tính ra thành tiền cho từng chứng từ nhập- xuất vật tư. Sau đó lần lượt ghi các nghiệp vụ nhập xuất vật tư vào thẻ(sổ) kế toán chi tiết theo từng danh điểm vật tư.

- Cuối tháng, kế toán vật tư phải tiến hành cộng thẻ(sổ) kế toán chi tiết, để đối chiếu với thẻ kho của thủ kho về mặt số lượng, đồng thời lập bảng tổng hợp chi tiết N-X-T kho vật tư để đối chiếu với kế toán tổng hợp vật tư, CCDC về mặt giá trị.

**Sơ đồ hạch toán chi tiết vật tư, CCDC theo phương pháp thẻ song song**



1.2.2.2. Phương pháp đối chiếu luân chuyển

**Tại kho:** tương tự phương pháp thẻ song song

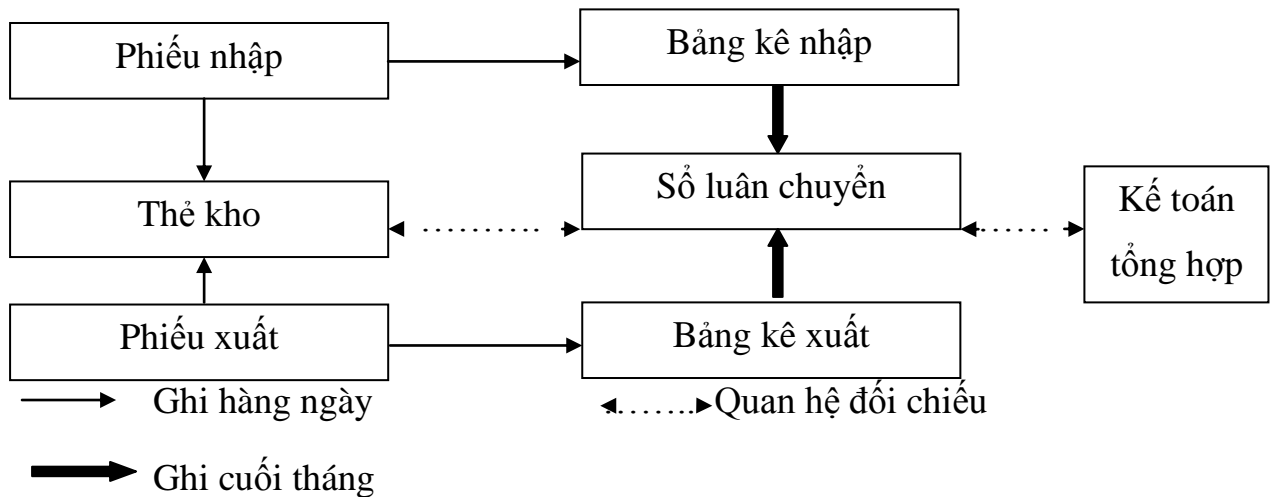
**Tại phòng kế toán:**

- Kế toán vật tư mở sổ đối chiếu luân chuyển để phản ánh tình hình N-X-T kho vật tư cả về mặt số lượng và giá trị (sổ dùng cả năm, thường sử dụng đơn giá hạch toán). Sổ này được ghi mỗi tháng 1 lần vào ngày cuối tháng trên cơ sở các bảng kê nhập, bảng kê xuất vật tư (các bảng kê này được kế toán mở theo từng danh điểm vật tư tương ứng đã ghi ở thẻ kho).

- Mỗi danh điểm vật tư được ghi vào 1 dòng trên sổ đối chiếu luân chuyển.

- Cuối tháng, tiến hành đối chiếu số liệu giữa sổ đối chiếu luân chuyển với thẻ kho về mặt số lượng.

**Sơ đồ hạch toán chi tiết NVL-CCDC theo PP sổ đối chiếu luân chuyển**



1.2.2.3. Phương pháp sổ dư

**Tại kho:** ngoài các công việc như phương pháp thẻ song song, thủ kho còn phải làm các công việc sau:

- Định sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải lập phiếu giao nhận, chứng từ theo từng danh điểm vật tư hoặc từng nhóm vật tư và nộp cho kế toán kèm theo các chứng từ nhập- xuất vật tư.

- Cuối tháng, căn cứ vào thẻ kho, thủ kho ghi số lượng vật tư tồn kho theo từng danh điểm vật tư vào sổ số dư. Mỗi danh điểm vật tư được ghi vào một dòng trên sổ số dư

- Sổ số dư được kế toán mở cho từng kho và dùng cho cả năm (sổ này chỉ theo dõi về mặt lượng và tiền tồn mà không theo dõi lượng và tiền nhập-xuất của



vật tư), trước ngày cuối tháng kế toán giao cho thủ kho để ghi sổ. Ghi xong phải gửi về phòng kế toán để kiểm tra và tính ra thành tiền.

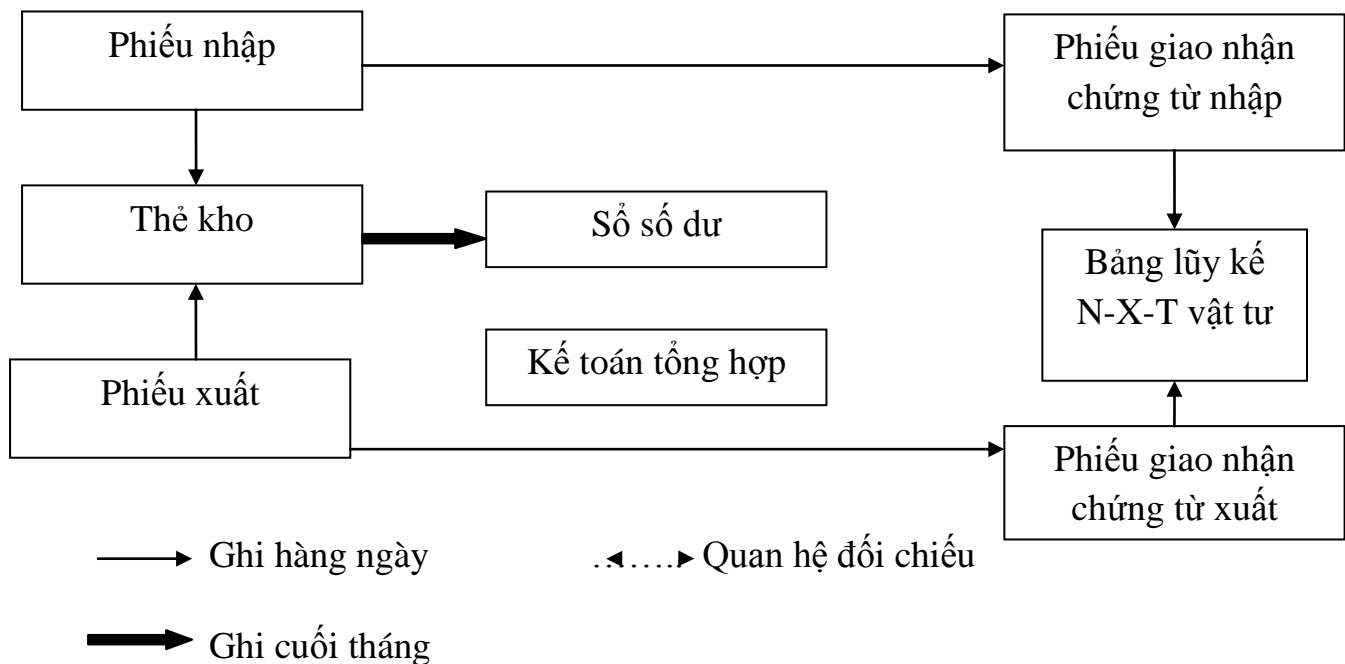
**Tại phòng kế toán:**

- Định kỳ, nhân viên kế toán phải xuống kho để kiểm tra việc ghi chép vào thẻ kho của thủ kho và ký xác nhận số lượng tồn tại từng thời điểm trên thẻ kho.

- Định kỳ, sau khi nhận được các chứng từ nhập-xuất vật tư do thủ kho chuyển đến (đã được phân loại theo từng danh điểm vật tư), kế toán tiến hành ghi đơn giá (thường là đơn giá hạch toán) tính ra thành tiền trên từng chứng từ và ghi vào phiếu giao nhận chứng từ tương ứng.

- Cuối tháng cộng tổng số tiền trên các phiếu giao nhận chứng từ để ghi vào 1 dòng trên bảng lũy kế nhập- xuất – tồn vật tư. Sau đó cộng tổng số tiền nhập- xuất trên bảng lũy kế để tính ra số dư cuối tháng của từng danh điểm vật tư. Số dư này dùng để đối chiếu với số dư trên sổ số dư.

**Sơ đồ hạch toán chi tiết NVL- CCDC theo phương pháp sổ số dư**



**1.2.3. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, CCDC trong doanh nghiệp**

1.2.3.1. TK sử dụng

- \* Tài khoản 152

- Bên Nợ: trị giá thực tế của NVL nhập kho do mua ngoài  
Trị giá NVL thừa phát hiện khi kiểm kê
- Bên Có: trị giá thực tế của NVL xuất kho dùng vào sản xuất  
Chiết khấu thương mại NVL khi mua được hưởng  
Trị giá NVL hao hụt, mất mát khi kiểm kê
- Số dư bên Nợ: trị giá thực tế của NVL tồn kho cuối kì.
- \* Tài khoản 153
- Bên Nợ: trị giá thực tế của NVL nhập kho do mua ngoài  
Trị giá NVL thừa phát hiện khi kiểm kê
- Bên Có: trị giá thực tế của NVL xuất kho dùng vào sản xuất  
Chiết khấu thương mại NVL khi mua được hưởng  
Trị giá NVL hao hụt, mất mát khi kiểm kê
- Số dư bên Nợ: trị giá thực tế của NVL tồn kho cuối kì.

#### 1.2.3.2. Phương pháp hạch toán

Giả sử trong khóa luận chỉ nghiên cứu kế toán tổng hợp NVL- CCDC theo phương pháp kê khai thường xuyên

##### **a. Kế toán Nguyên vật liệu**

##### **❖ Kế toán biến động tăng**

\* Đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp khấu trừ

**NV1.** Mua ngoài, trường hợp hàng và hóa đơn cùng về khi kiểm nhận nhập kho đủ kế toán ghi

Nợ 152                      giá thực tế vật liệu

Nợ 133                      thuế VAT

Có 111, 112, 331...số tiền phải thanh toán

**NV2.** Trường hợp doanh nghiệp được hưởng giảm giá hàng mua (do hàng mua không đúng quy cách, kém phẩm chất, hàng xấu...) hoặc doanh nghiệp được hưởng chiết khấu thương mại mua hàng

Nợ 331                      nếu trừ vào Nợ phải trả

Nợ 111, 112                nếu được người bán trả lại tiền

Nợ 1388            được chấp nhận nhưng chưa thanh toán

Có 152            số giảm giá chưa có VAT

Có 133            thuế VAT tương ứng

**NV3.** Trường hợp doanh nghiệp đã mua hàng nhưng nay trả lại hàng

Nợ 331, 111, 112, 1388            tổng giá trị hàng trả lại

Có 152            giá thực tế vật liệu

Có 133            thuế VAT tương ứng

**NV4.** Trường hợp doanh nghiệp được hưởng chiết khấu thanh toán mua hàng do thanh toán tiền hàng đúng hoặc trước thời hạn (chỉ xảy ra trong trường hợp mua bán chịu)

Nợ 331, 111, 1388    số tiền được chiết khấu trừ vào Nợ hoặc trả ngay

Có 515            doanh thu tài chính

**NV5.** Trường hợp hàng mua thừa so với hóa đơn (trong giai đoạn mua)

- Nếu nhập toàn bộ theo số kiểm nhận thực tế

Nợ 152            giá thực tế nhập

Nợ 133            thuế VAT tương ứng

Có 331, 111, 112    tổng giá trị theo hóa đơn

Có 3381          số hàng thừa chưa có VAT

Khi xác định được nguyên nhân, căn cứ quyết định xử lý, kế toán ghi:

Trả lại số thừa

Nợ 3381          số hàng thừa

Có 152          số hàng thừa trả lại

Mua tiếp số thừa

Nợ 3381          số hàng thừa

Nợ 133          thuế VAT

Có 331          số tiền phải trả

Không rõ nguyên nhân

Nợ 3381          giá trị hàng thừa

Có 711          hàng thừa không rõ nguyên nhân

- Nếu nhập theo số hóa đơn (số thừa coi như giữ hộ)

Nợ 152          số nhập theo hóa đơn

Nợ 133          thuế VAT tương ứng

Có 111, 112, 331    số tiền phải trả

Đồng thời ghi Nợ 002: số thừa

Khi xử lý số thừa căn cứ quyết định xử lý, kế toán ghi:

Trả lại người bán

Có 002 số hàng thừa

Mua số thừa

Nợ 152 giá trị hàng thừa

Nợ 133 thuế VAT

Có 1111, 112, 331 số tiền phải thanh toán

Đồng thời ghi Có 002 số hàng thừa

Không rõ nguyên nhân

Nợ 152 giá trị hàng thừa

Có 711 giá trị hàng thừa

Đồng thời ghi Có 002

**NV6.** Trường hợp hàng mua bị thiếu so với hóa đơn (do thiên tai, hỏa hoạn, bị mất trong giai đoạn mua)

Kế toán chỉ ghi tăng vật liệu theo số thực nhận. Căn cứ vào biên bản kiểm nhận, kế toán ghi

- Bt1: phản ánh trị giá hàng nhập kho thực tế

Nợ 152 số thực nhập

Nợ 1381 số thiếu chưa có VAT

Nợ 133 VAT theo số hóa đơn

Có 111, 112, 331 tổng giá thanh toán theo hóa đơn

- Bt2: phản ánh VAT của số hàng thiếu không được khấu trừ khi kê khai thuế GTGT phải nộp ( ghi cuối tháng)

Nợ 1381

Có 133

- Khi có biên bản xử lý số hàng thiếu

+ Nếu hàng thiếu do hao hụt tự nhiên trong định mức trong quá trình mua hàng

Nợ 152 trị giá vật liệu hao hụt trong định mức

Nợ 133 VAT tương ứng

Có 1381 xử lý số thiếu

- + Nếu hàng thiếu được quy trách nhiệm cho các tổ chức cá nhân phải bồi thường

Nợ 111, 112, 1388, 334      thu tiền bồi thường, trừ vào lương CNV  
Nợ 632                              số thiếu cho vào giá vốn  
Có 1381                              xử lý số thiếu

- + Nếu người bán giao tiếp số hàng còn thiếu

Nợ 152                              trị giá hàng thiếu  
Nợ 133                              VAT tương ứng  
Có 1381                              số thiếu

- + Nếu người bán không còn hàng, số thiếu được trừ vào Nợ phải trả

Nợ 331                              trừ vào Nợ phải trả  
Có 1381                              số hàng thiếu

- + Nếu không xác định được nguyên nhân, ghi tăng chi phí khác

Nợ 811                              chi phí khác  
Có 1381                              số hàng thiếu

**NV7.** Mua hàng, trường hợp hàng về, hóa đơn chưa về

- Kế toán lưu phiếu nhập kho vào tệp hồ sơ “hàng chưa có hóa đơn”. Nếu trong tháng hóa đơn về thì ghi sổ bình thường. Nếu cuối tháng hóa đơn vẫn chưa về, kế toán ghi sổ theo giá tạm tính không bao gồm VAT

Nợ 152                              giá tạm tính  
Có 331                              số Nợ phải trả

- Sang tháng sau, khi hóa đơn về, kế toán tiến hành điều chỉnh từ giá tạm tính sang giá thực tế theo 1 trong 3 cách sau:

**Cách 1:** dùng bút toán đảo xóa giá tạm tính

Dùng bút toán bình thường ghi theo hóa đơn

Nợ 152                              trị giá hàng mua  
Nợ 133                              thuế VAT  
Có 111, 331                              số tiền phải thanh toán

**Cách 2:** nếu giá hóa đơn > giá tạm tính, kế toán ghi bổ sung

Nợ 152                              số chênh lệch thiếu  
Nợ 133                              VAT tương ứng  
Có 331                              tổng giá trị thanh toán

**Cách 3:** nếu giá hóa đơn < giá tạm tính, kế toán ghi âm số thừa

**NV8:** mua ngoài, hàng chưa về, hóa đơn đã về

- Kế toán lưu hóa đơn vào hàng mua đang đi đường trong tháng, hàng về ghi bình thường

- Cuối tháng hàng chưa về kế toán ghi

Nợ 151            giá trị hàng chưa về  
Nợ 133            thuế VAT tương ứng  
    Có 331, 111, 112    tổng số tiền phải thanh toán

- Sang tháng sau, khi hàng về, kế toán ghi

Nợ 152            nhập kho  
Nợ 154, 642        giao thẳng cho bộ phận sử dụng  
Nợ 1381            trị giá hàng đi đường bị mất chờ xử lý  
    Có 151            trị giá hàng đi đường kỳ trước đã về

**NV9:** tự sản xuất, gia công nhập kho

**Bt1:** xuất vật liệu để tự sản xuất

Nợ 154  
    Có 152            vật liệu xuất kho

**Bt2:** chi phí gia công thực tế phát sinh

Nợ 154  
    Có 111, 112, 214, 334    chi phí trả bằng tiền, khấu hao..

**Bt3:** nhập kho vật liệu tự sản xuất

Nợ 152            giá thành sản xuất  
    Có 154

**NV10:** thuế ngoài gia công nhập kho

- Xuất vật liệu thuê ngoài

Nợ 154  
    Có 152            trị giá vật liệu xuất kho

- Chi phí thuê ngoài gia công

Nợ 154            chi phí gia công  
Nợ 133            thuế VAT  
    Có 111, 112, 331            trả bằng tiền, trả sau

- Nhập kho

Nợ 152  
    Có 154

**NV11:** Tăng do phát hiện thừa qua kiểm kê chưa rõ nguyên nhân (trong giai đoạn dự trữ cho sản xuất kinh doanh)

Nợ 152            trị giá vật liệu thừa  
    Có 3381            vật liệu thừa chờ xử lý

**NV12:** Tăng do vay mượn tạm thời không phải chịu lãi

Nợ 152            vật liệu đi vay  
    Có 3388

**NV13:** Tăng do thu hồi phế liệu nhập kho

Nợ 152            phế liệu nhập kho  
    Có 711

Có 154

**NV14.** Nhập kho NVL từ nguồn nhập khẩu

Phản ánh giá nhập khẩu NVL (giá CIF)

- Thanh toán ngay bằng tiền
  - Nợ 152                      giá nhập khẩu theo tỷ giá giao dịch
  - Nợ 635                      lỗ chênh lệch tỷ giá
  - Có 515                      lãi chênh lệch tỷ giá
  - Có 1112, 1122            giá mua theo tỷ giá xuất ngoại tệ
- Nếu chưa thanh toán
  - Nợ 152                      giá nhập khẩu theo tỷ giá giao dịch
  - Có 331
- Phản ánh thuế nhập khẩu phải nộp tính vào giá thực tế NVL
  - Nợ 152                      tính vào trị giá hàng
  - Có 3333                    thuế nhập khẩu
- Phản ánh thuế tiêu thụ đặc biệt của hàng nhập khẩu phải nộp (giá tính thuế TTĐB là giá tính thuế nhập khẩu + thuế nhập khẩu)
  - Nợ 152                      tính vào trị giá hàng
  - Có 3332                    thuế TTĐB
- Phản ánh thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp (giá tính thuế GTGT là giá nhập khẩu+ thuế nhập khẩu+ thuế TTĐB)
  - Nợ 133                      thuế GTGT được khấu trừ
  - Có 3331                    thuế GTGT phải nộp

**NV15.** NVL tăng do nhận biếu tặng, tài trợ

- Nợ 152                      vật liệu được biếu tặng
- Có 711

**NV16.** Các trường hợp tăng NVL khác

- Nợ 152                      trị giá vật liệu nhập kho
- Có 411
- Có 412                      chênh lệch tăng do đánh giá tăng
- Có 154, 241                không dùng hết nhập lại kho
- Có 221                      nhận lại vốn góp
- Có 3386                      nhận ký quỹ bằng vật tư

\* Đối với doanh nghiệp tính VAT theo phương pháp trực tiếp

- Hàng mua về dùng để sản xuất kinh doanh những mặt hàng:

- Thuộc diện chịu thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp
  - Không thuộc diện chịu thuế GTGT
  - Dùng cho hoạt động sự nghiệp, hoạt động dự án, hoạt động phúc lợi
- Không sử dụng TK 133 vì trong giá hàng mua đã bao gồm cả VAT đầu vào

❖ **Kế toán biến động giảm Nguyên vật liệu**

Mọi NVL được xuất qua kho để sử dụng cho các mục đích đều được ghi theo giá thực tế (giá vốn) theo 1 trong 4 phương pháp: bình quân gia quyền, FIFO, LIFO, đích danh

**NV1. Xuất NVL cho sản xuất kinh doanh**

- Nợ 154                      chi tiết theo từng đối tượng
- Nợ 642                      xuất cho quản lý doanh nghiệp
- Nợ 241                      xây dựng cơ bản
- Có 152

**NV2. Xuất NVL đi thuê ngoài gia công, chế biến**

- Nợ 154
- Có 152                      xuất vật liệu đi gia công

**NV3. Giảm do phát hiện thiếu qua kiểm kê (trong giai đoạn dự trữ cho sản xuất kinh doanh)**

- Nợ 1381                      chưa xác định được nguyên nhân
- Nợ 632                      thiếu trong định mức
- Nợ 111, 1388, 334        thu tiền bồi thường, trừ vào lương..
- Có 152                      trị giá vật liệu thiếu

**NV4. Giảm do cho vay mượn tạm thời không tính lãi**

- Nợ 1388
- Có 152                      trị giá vật liệu cho vay

**NV5. Giảm do xuất đi góp vốn**

- Nợ 221
- Nợ 811                      chênh lệch đánh giá lại
- Có 152                      trị giá vật liệu mang đi góp vốn

**NV6. Giảm do trả lại vốn góp**

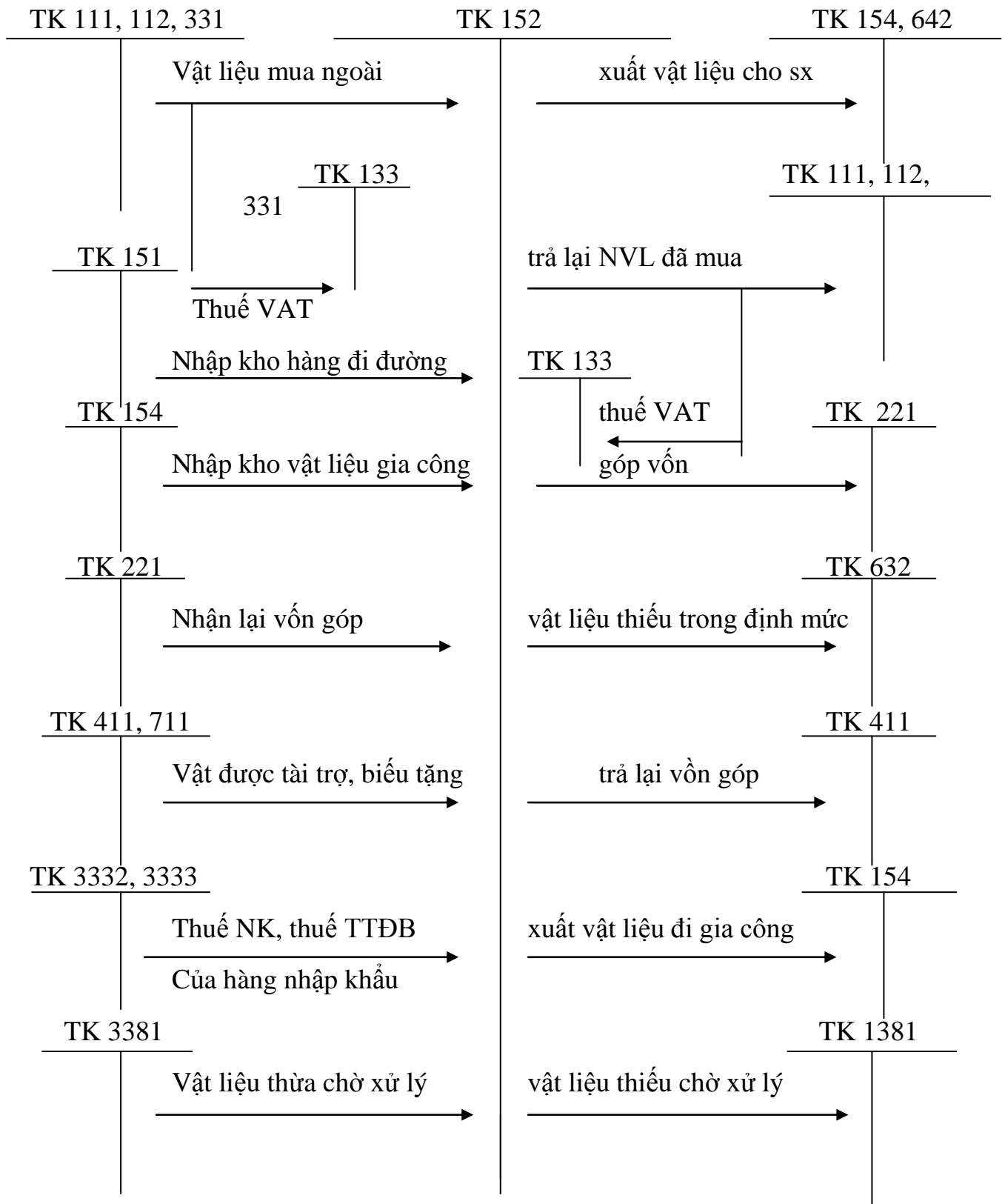
- Nợ 411
- Nợ (Có) 421                chênh lệch lãi, lỗ
- Có 152                      trị giá vật liệu trả lại

**NV7. Giảm do các nguyên nhân khác**

- Nợ 157
- Nợ 421                      chênh lệch đánh giá lại tài sản
- Có 152



**Sơ đồ kế toán tổng hợp**



**b. Kế toán Công cụ dụng cụ**

❖ Kế toán các nghiệp vụ làm tăng CCDC

Việc hạch toán tăng CCDC tương tự như tăng vật liệu, chỉ khác với vật liệu là CCDC còn tăng do chuyển từ tài sản cố định thành CCDC

**NV1.** Nếu tài sản cố định đang sử dụng, giá trị còn lại nhỏ, kế toán sẽ phân bổ hết giá trị còn lại vào chi phí kinh doanh

Nợ 214

Nợ 154, 642

Có 211

**NV2.** Nếu tài sản cố định đang sử dụng, giá trị còn lại lớn, kế toán đưa vào chi phí trả trước để phân bổ dần

Nợ 214

Nợ 142, 242

Có 211

**NV3.** Nếu tài sản cố định còn mới, chưa sử dụng

Nợ 153

Nợ 142, 242

Có 211

❖ Kế toán các nghiệp vụ làm giảm CCDC

Hạch toán giảm CCDC tương tự như giảm vật liệu

Tuy nhiên do CCDC tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh, nên khi xuất dùng cần căn cứ vào quy mô và mục đích sử dụng mà kế toán phân bổ giá trị CCDC vào chi phí theo 1 trong 3 phương pháp sau:

**NV1.** Phương pháp phân bổ 1 lần hay phân bổ 100%

Khi xuất dùng CCDC kế toán tính hết giá trị vào chi phí trong kỳ

- Trường hợp xuất kho CCDC

Nợ 154

Nợ 642

Có 153

- Trường hợp mua ngoài xuất thẳng cho các bộ phận sử dụng

Nợ 642..

Nợ 133

Có 111, 112, 331

**NV2.** Phương pháp phân bổ 2 lần hay phân bổ 50%

- Khi xuất dùng CCDC

+ Trường hợp xuất kho, kế toán ghi

Bt1: Phản ánh toàn bộ giá trị CCDC xuất dùng

Nợ 142                      thời gian phân bổ <1 năm

Nợ 242                      thời gian phân bổ > 1 năm

Có 153

Bt2: Phân bổ 50% giá trị CCDC xuất dùng

Nợ 154, 642

Có 142, 242

+ Trường hợp mua ngoài xuất thẳng cho các bộ phận sử dụng

Bt1: Nợ 142, 242

Nợ 133

Có 111, 112, 331

Bt2: phân bổ cho các đối tượng sử dụng

- Khi nhận được phiếu báo hỏng, mất, hoặc hết hạn sử dụng, sau khi loại trừ giá trị thu hồi, bồi thường nếu có, kế toán tiến hành phân bổ nốt giá trị còn lại của CCDC vào chi phí

Nợ 153                                      phế liệu thu hồi

Nợ 1388, 334, 111                      khoản thu bồi thường

Nợ 154, 642                              giá trị còn lại tính vào chi phí

Có 142, 242                              50% giá trị xuất dùng

**NV3.** Phương pháp phân bổ 3 lần trở lên (áp dụng với những CCDC có giá trị cao, quy mô lớn, phục vụ cho nhiều kỳ kinh doanh)

- Khi xuất dùng

+ Trường hợp xuất kho kế toán ghi

Bt1: Phản ánh toàn bộ giá trị xuất dùng

Nợ 142, 242

Có 153                      toàn bộ giá trị CCDC xuất đi

Bt2: Phản ánh giá trị phân bổ mỗi lần

Nợ 154, 642

Có 142, 242

+ Trường hợp mua ngoài xuất thẳng

Bt1: Phản ánh giá trị xuất thẳng

Nợ 142, 242

Nợ 133

Có 111, 112, 331

Bt2: Phản ánh giá trị phân bổ mỗi lần

- Các kỳ tiếp theo: trừ kỳ phân bổ giá trị CCDC dự kiến cuối cùng, kế toán chỉ phản ánh theo bt2
- Khi nhận được phiếu báo hỏng, mất hoặc hết hạn sử dụng, sau khi loại trừ giá trị thu hồi hoặc bồi thường, kế toán tiến hành phân bổ nốt giá trị còn lại vào chi phí kinh doanh tương tự như phân bổ 2 lần.

**❖ Kế toán xuất dùng bao bì luân chuyển (sử dụng nhiều lần)**

**NV1.** Khi xuất dùng

Nợ 142, 242                      100% giá trị bao bì

Có 153

**NV2.** Phân bổ giá trị hao mòn của bao bì luân chuyển vào chi phí từng kỳ

Nợ 6421                      giá trị hao mòn tính vào chi phí

Có 142, 242                      giá trị hao mòn tương ứng từng lần phân bổ

**NV3.** Khi thu hồi bao bì luân chuyển nhập kho

Nợ 153

Có 142, 242                      giá trị còn lại

**❖ Kế toán xuất dùng đồ dùng cho thuê**

**NV1.** Khi xuất dùng

Nợ 142, 242                      chi phí trích trước

Có 153                      100% giá trị xuất đi

**NV2.** Xác định giá trị hao mòn của đồ dùng cho thuê từng kỳ

Nợ 811 cho thuê là hoạt động không thường xuyên

Có 142, 242 giá trị hao mòn tương ứng từng kỳ

**NV3.** Xác định số thu về cho thuê

Nợ 111, 112, 131 thu tiền, thu sau..

Có 711 cho thuê là hoạt động không thường xuyên

Có 511 cho thuê là hoạt động thường xuyên

Có 3331 thuế VAT

**NV4.** Khi thu hồi đồ dùng cho thuê nhập kho

Nợ 153 giá trị còn lại

Có 142, 242

### **1.3. Tổ chức sổ kế toán nguyên vật liệu, CCDC trong doanh nghiệp**

#### **1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung**

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

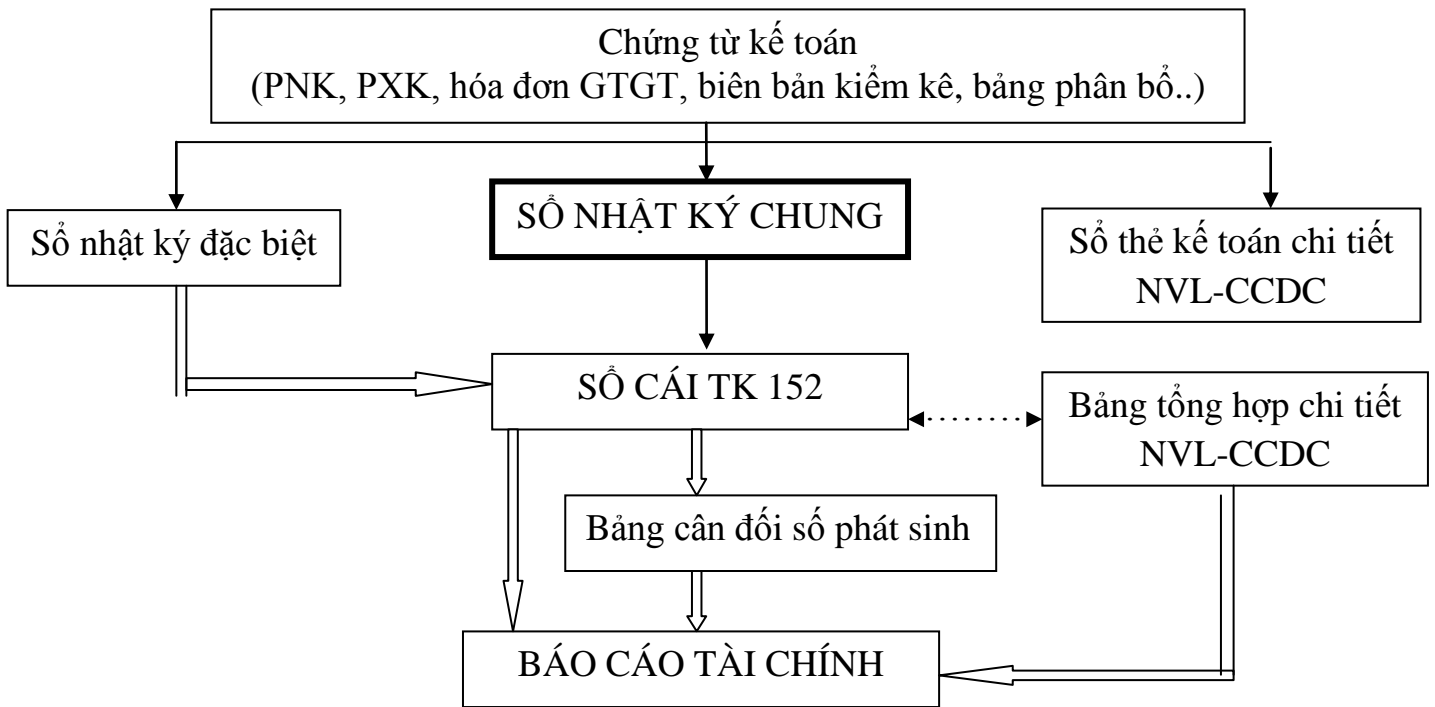
Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung:

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh phải được ghi vào các sổ, thẻ chi tiết liên quan.

Nếu đơn vị mở sổ Nhật ký đặc biệt, hàng ngày ghi các nghiệp vụ phát sinh, định kỳ 3-5 ngày tổng hợp để vào Sổ cái.

- Định kỳ cộng số liệu trên Sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Số liệu ghi trên sổ cái, bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính

Sơ đồ



- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <.....>

**1.3.2. Hình thức sổ Nhật ký - Sổ cái**

Hình thức Nhật ký- sổ cái gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký- sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

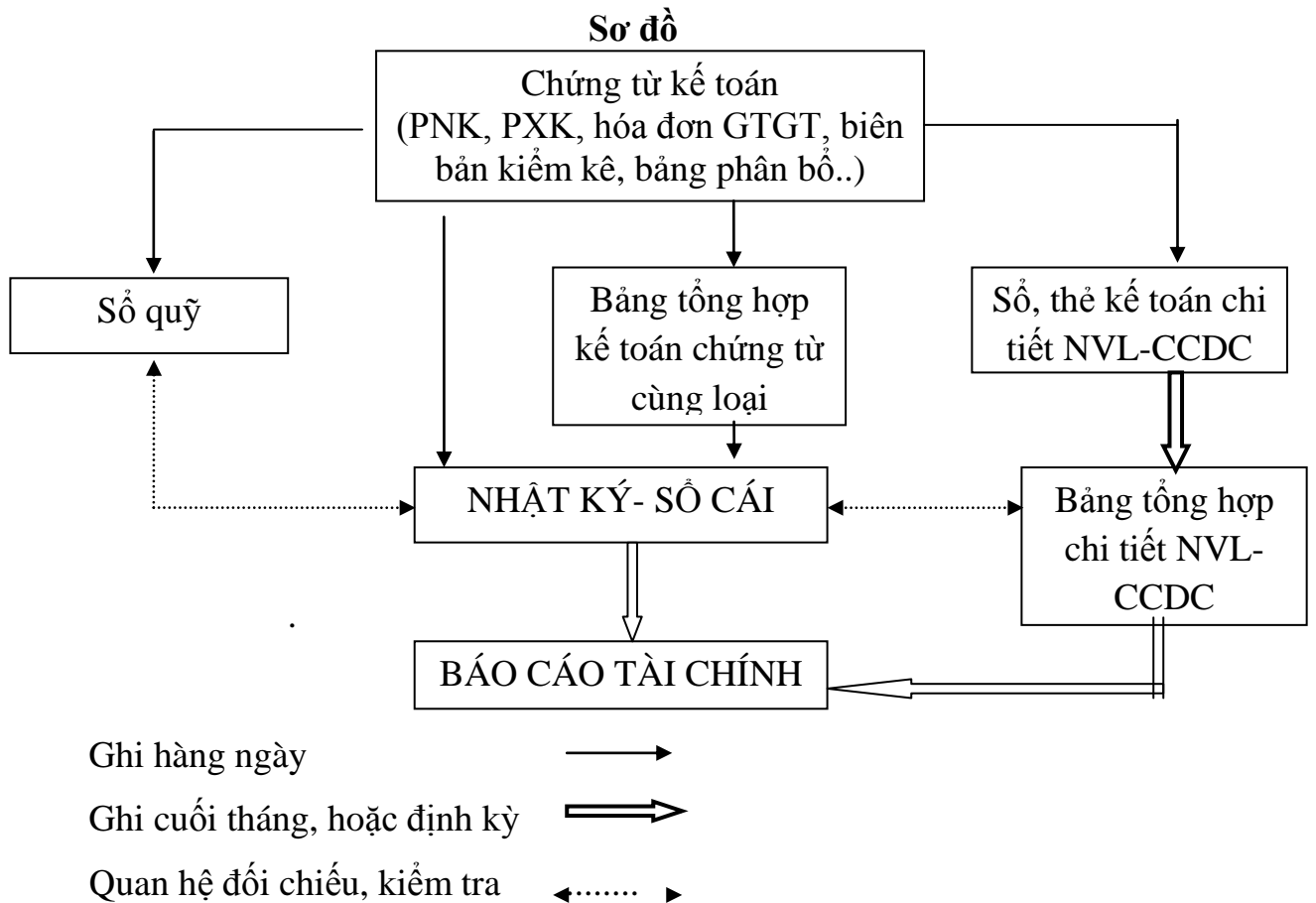
Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký- sổ cái

- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán, xác định các tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào sổ nhật ký-sổ cái.

Số liệu của mỗi chứng từ được ghi trên một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và Sổ cái.

- Chứng từ kế toán cũng được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

- Cuối tháng kế toán cộng số liệu của cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ cái để ghi dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số dư đầu tháng và số phát sinh trong tháng để tính ra số dư cuối tháng của từng tài khoản.



### 1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ sẽ gồm các loại sổ kế toán sau:

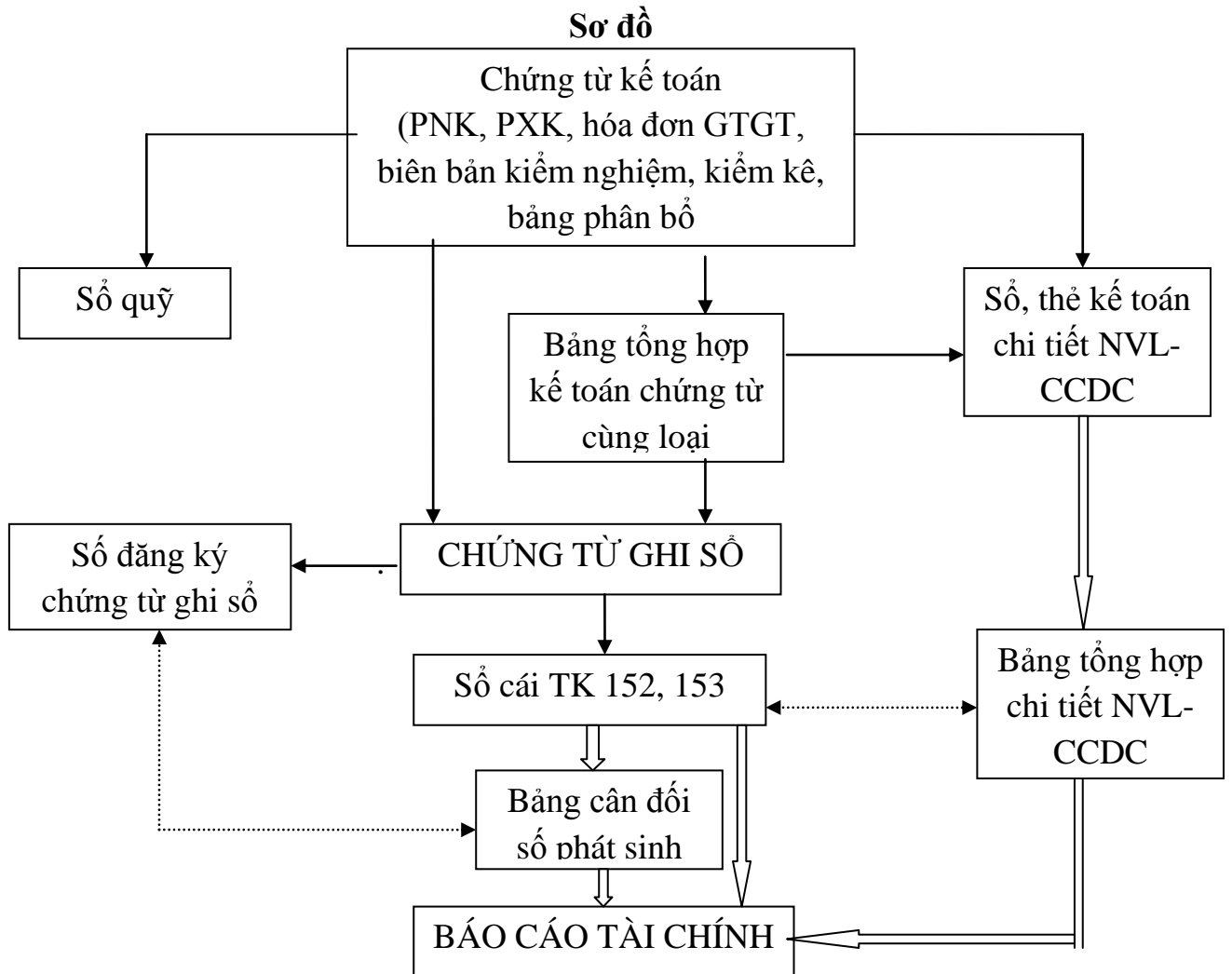
- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ:

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán, bảng tổng hợp chứng từ kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái TK liên quan. Các chứng từ kế toán còn được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán.

Cuối tháng khóa sổ, tính ra tổng số tiền phát sinh trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính tổng phát sinh Nợ, phát sinh Có, số dư của từng tài khoản trên sổ cái. Căn cứ vào sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh.

Số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.



Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ  $\Longrightarrow$

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra  $\langle \dots \rangle$

### 1.3.4. Hình thức kế toán Nhật ký- Chứng từ

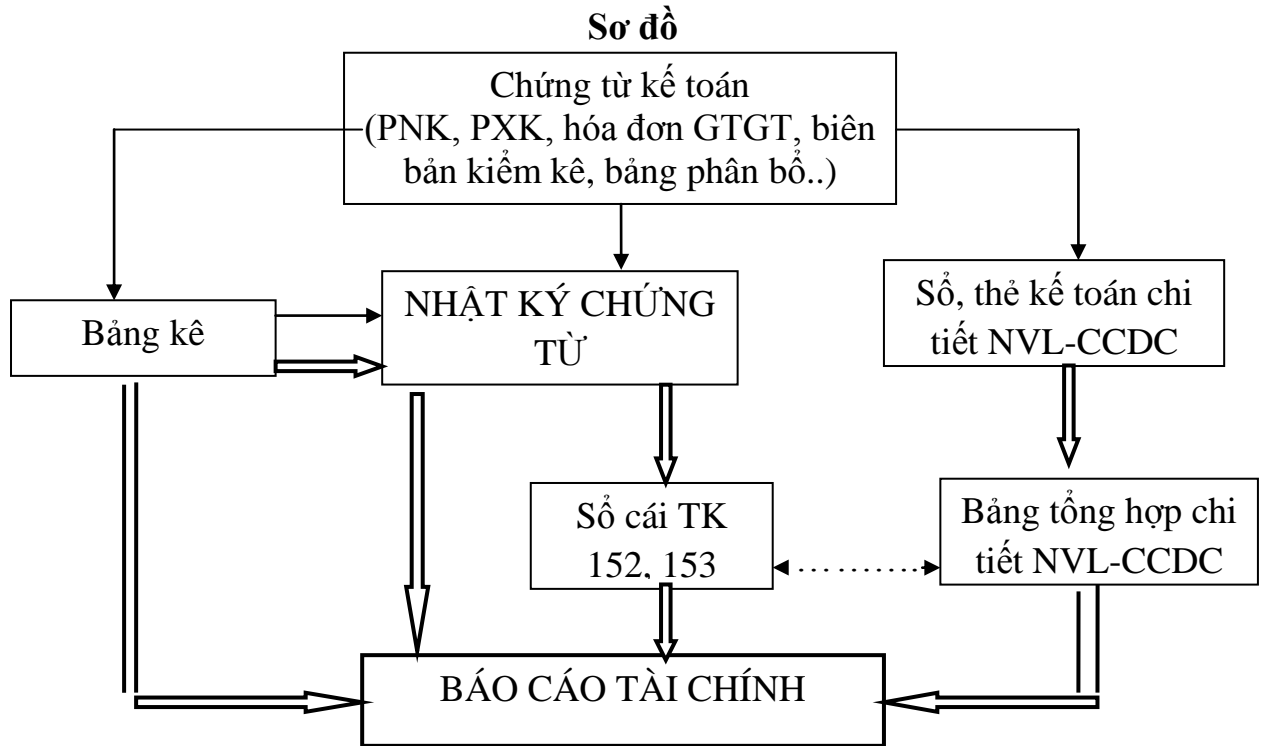
Hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ:



- Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán, ghi trực tiếp vào các Nhật ký- chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.
- Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các Nhật ký- chứng từ, kiểm tra đối chiếu với các sổ, thẻ chi tiết... Lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký- chứng từ ghi vào Sổ cái



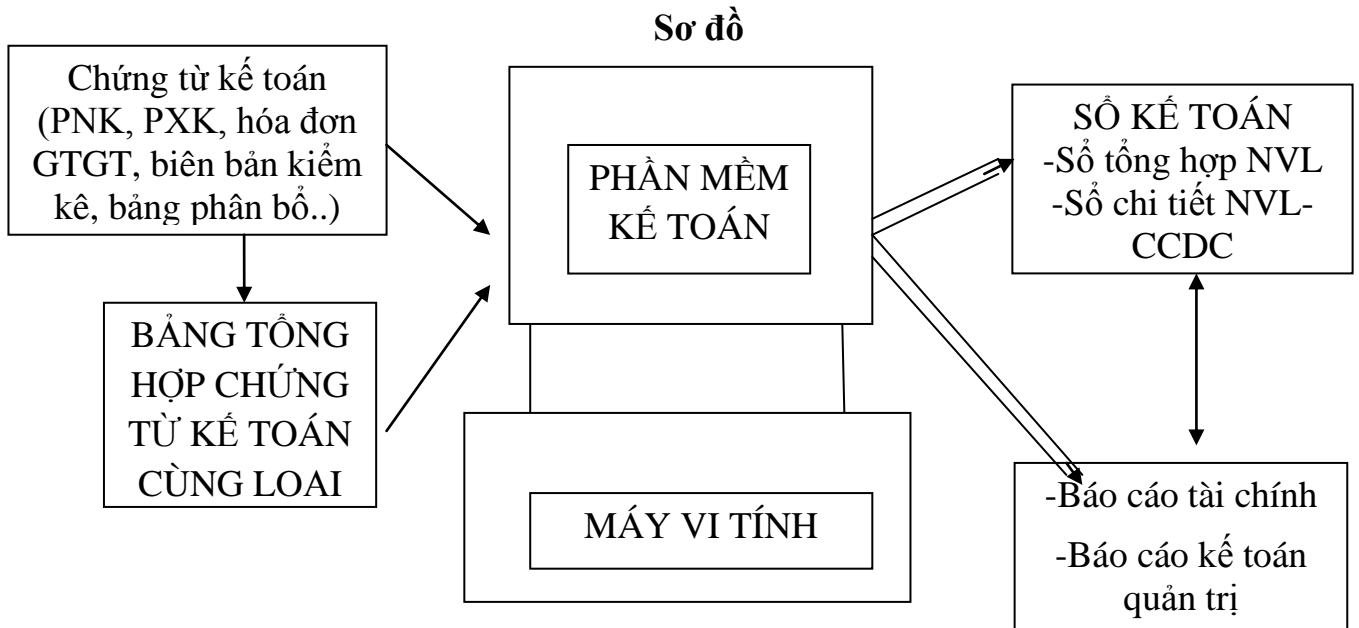
### 1.3.5. Hình thức kế toán trên máy tính

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức đó, mẫu sổ sẽ không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ:

- Hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán, xác định tài khoản ghi Nợ, ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn.
- Các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp, các sổ, thẻ chi tiết.

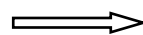
- Cuối tháng hoặc định kỳ, kế toán thực hiện thao tác khóa sổ và lập Báo cáo tài chính.



Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra



## CHƯƠNG 2.

# THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU- CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI

### 2.1. Khái quát chung về công ty

#### 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty

Năm 2001 là năm mà thành phố Hải Phòng đang trong quá trình hội nhập với đà phát triển của cả nước cũng như của thế giới. Để theo kịp xu hướng phát triển chung của kinh tế cả nước, sự ra đời của những doanh nghiệp, tổ chức kinh tế thời kì này là vô cùng quan trọng. Nắm bắt được cơ hội này, tháng 6/2001 công ty TNHH nhựa Ngọc Hải đã được thành lập với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất sản phẩm nhựa dân dụng.

Công ty được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và đăng kí kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng. Công ty nhựa Ngọc Hải ra đời không những đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng mà còn tạo cơ hội việc làm cho người dân địa phương, góp phần cải thiện và nâng cao đời sống vật chất cho nhiều người lao động.

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH nhựa Ngọc Hải

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Ngọc Hai Plastic Company Limited

Tên viết tắt: Ngọc Hai Plastic CO., LTD

Trụ sở chính: số 18 đường 208, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

Từ ngày thành lập công ty đã nhận được nhiều sự quan tâm, giúp đỡ từ các ban ngành thành phố cũng như sự nhiệt tình của đội ngũ công nhân viên. Công ty đã tạo dựng được nhiều uy tín và đáp ứng được nhu cầu của thị trường về các sản phẩm nhựa dân dụng.

Công ty đã dần tạo dựng được uy tín của mình trên thị trường. Các sản phẩm ngày càng phong phú, đáp ứng nhu cầu về chất lượng cũng như thẩm mỹ.

Kết quả đạt được trong những năm 2008, 2009, 2010 như sau:

Về biến động của tài sản và nguồn vốn tại công ty (ĐVT: đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
<b>Tài sản</b>			
A.Tài sản ngắn hạn	13.434.735.437	25.512.780.280	57.128.121.861
B.Tài sản dài hạn	29.743.276.862	28.901.429.762	31.846.499.404
<b>Tổng tài sản</b>	43.178.012.299	54.414.210.042	88.974.621.265
<b>Nguồn vốn</b>			
A.Nợ phải trả	18.607.759.851	27.757.533.844	63.755.018.868
B.Nguồn vốn chủ sở hữu	24.570.252.448	26.656.676.039	25.219.602.238
<b>Tổng nguồn vốn</b>	43.178.012.299	54.414.209.883	88.974.621.106

***Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn các năm 2008, 2009, 2010***

Nhìn vào bảng trên ta thấy: tổng tài sản và nguồn vốn của công ty có xu hướng tăng lên. Điều này chứng tỏ cơ sở vật chất đã được tăng cường, quy mô sản xuất được mở rộng. Sự gia tăng này sẽ góp phần tăng doanh thu và lợi nhuận của công ty trong những năm tới.

Tuy nhiên, những năm gần đây, cũng giống như tình hình kinh doanh của các doanh nghiệp khác, công ty nhựa Ngọc Hải đã gặp không ít khó khăn trong việc sử dụng vốn, cạnh tranh trên thị trường gay gắt.... Bởi vậy mà doanh thu 3 năm gần đây đều không đủ bù đắp chi phí.

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
<b>Doanh thu thuần</b>	40.538.489.900	44.256.470.772	42.105.083.466
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	-1.076.591.068	-2.913.576.409	-1.437.073.801

***Tình hình biến động về lợi nhuận trong các năm 2008, 2009, 2010***

Mặc dù gặp không ít khó khăn công ty vẫn tiếp tục duy trì hoạt động, hướng tới mục tiêu mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tăng lợi nhuận trong những năm tới.

**2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty**

**2.1.2.1. Ngành nghề kinh doanh**

Trước đây, doanh nghiệp nhựa Ngọc Hải kinh doanh 2 mảng chính, 1 là sản xuất kinh doanh sản phẩm nhựa dân dụng và nhựa công nghiệp, 2 là kinh doanh vật tư-thiết bị ngành nhựa. Nhưng những năm gần đây, doanh nghiệp chỉ tập trung vào sản xuất kinh doanh sản phẩm nhựa dân dụng, nhựa công nghiệp và kinh doanh thương mại hạt nhựa.

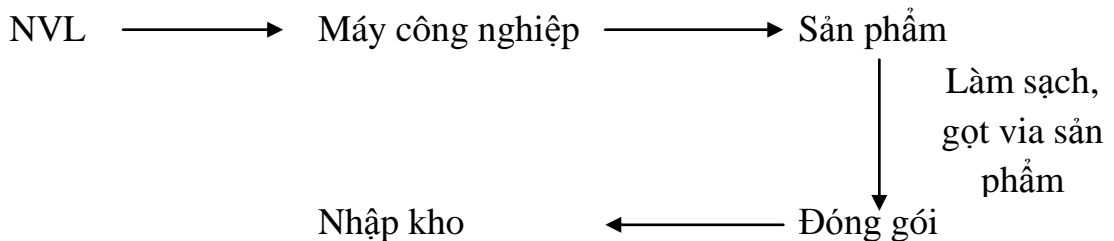
Sản phẩm nhựa dân dụng và nhựa công nghiệp của doanh nghiệp đa chủng loại, mẫu mã. Doanh nghiệp chủ yếu sản xuất theo đơn đặt hàng.

Hạt nhựa được doanh nghiệp mua về, vừa làm nguyên liệu để sản xuất đồ nhựa, vừa là hàng hóa để doanh nghiệp bán lại cho những doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nhựa khác

#### 2.1.2.2. Quy trình tổ chức sản xuất kinh doanh của Công ty

Sản phẩm của doanh nghiệp 100% được làm bằng máy công nghiệp. Do đó, công nhân chủ yếu thao tác trên máy. Khi sản phẩm hoàn thành, công nhân sản xuất có nhiệm vụ gọt dũa, đóng gói sản phẩm để nhập kho chờ xuất bán.

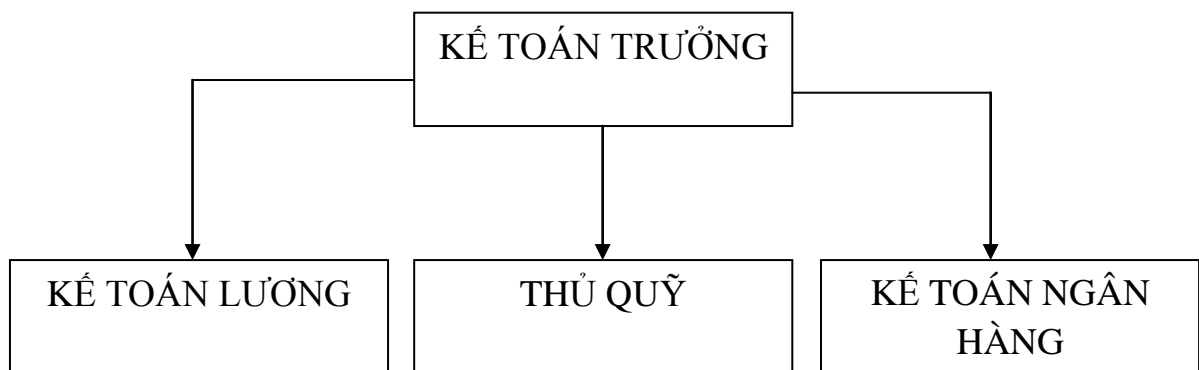
Quá trình này được khái quát bằng sơ đồ sau:



#### 2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

##### 2.1.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán của công ty

###### *Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH nhựa Ngọc Hải*



Trong đó:

**Kế toán trưởng:** Phụ trách công tác kế toán chung cho công ty, tổ chức hạch toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho đơn vị, cung cấp thông tin kinh tế giúp lãnh đạo công ty về công tác chuyên môn, kiểm tra tài chính. Bên cạnh đó, kế toán trưởng còn theo dõi các phần hành sau: theo dõi ngân sách, nhà cung cấp, các khoản phải thu, theo dõi TSCĐ, kế toán tổng hợp, tập hợp chi phí sản xuất của đơn vị, hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo cáo tài chính, lập tờ khai thuế, tổ chức sử dụng và huy động vốn có hiệu quả nhất.

**Kế toán lương:** Tổ chức ghi chép, phản ánh kịp thời, đầy đủ tình hình hiện có và sự biến động về số lượng và chất lượng lao động, tình hình sử dụng thời gian lao động và kết quả lao động. Tính toán chính xác, kịp thời, đúng chính sách chế độ về các khoản tiền lương, tiền thưởng, các khoản trợ cấp phải trả cho người lao động.

**Thủ quỹ:** Có trách nhiệm thu, chi tiền mặt trên cơ sở chứng từ thu và các chứng từ chi, giấy tạm chi... lập báo cáo tồn quỹ tiền mặt theo quy định.

**Kế toán ngân hàng:** phụ trách, theo dõi, phản ánh kịp thời những hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến ngân hàng.

2.1.3.2. Đặc điểm chế độ, nguyên tắc, phương pháp kế toán áp dụng tại công ty

a. Đặc điểm chế độ kế toán

Công ty tuân thủ theo Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC của Bộ tài chính ban hành ngày 14 tháng 9 năm 2006.

Theo đó, công ty tiến hành nghiên cứu, cụ thể hoá và áp dụng chế độ kế toán, các quy định cụ thể về nội dung, cách vận dụng danh mục các tài khoản, chứng từ, sổ kế toán, lựa chọn hình thức sổ kế toán và báo cáo tài chính phù hợp với đặc điểm sản xuất, kinh doanh.

b. Hình thức kế toán áp dụng tại công ty

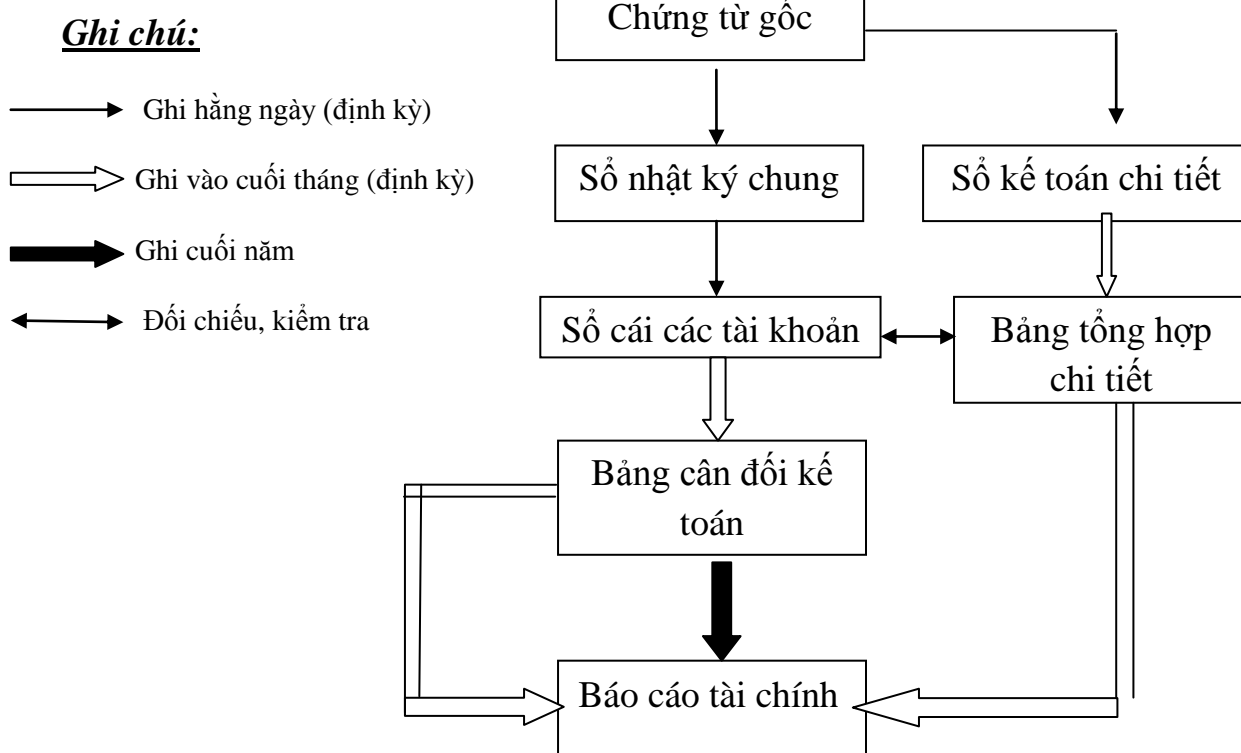
Để đáp ứng nhu cầu quản lý, đồng thời căn cứ vào quy mô, đặc điểm của hoạt động sản xuất kinh doanh, trình độ nghiệp vụ của cán bộ kế toán, hình thức được

công ty áp dụng là hình thức **Nhật ký chung**, kế toán thuế VAT theo phương pháp khấu trừ

Chu trình kế toán được tổ chức chặt chẽ theo bốn bước sau:

- **Kiểm tra chứng từ:** Xác minh chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.
- **Hoàn chỉnh chứng từ:** Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sổ tiền, sổ thực xuất... tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.
- **Luân chuyển chứng từ:** Tùy theo tính chất nội dung của từng loại chứng từ luân chuyển vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết kịp thời, chính xác
- **Lưu trữ chứng từ:** Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ có hệ thống và khoa học theo đúng quy định.

Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán **Nhật ký chung** là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung, sau đó từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái tài khoản, từ sổ cái các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo kế toán.

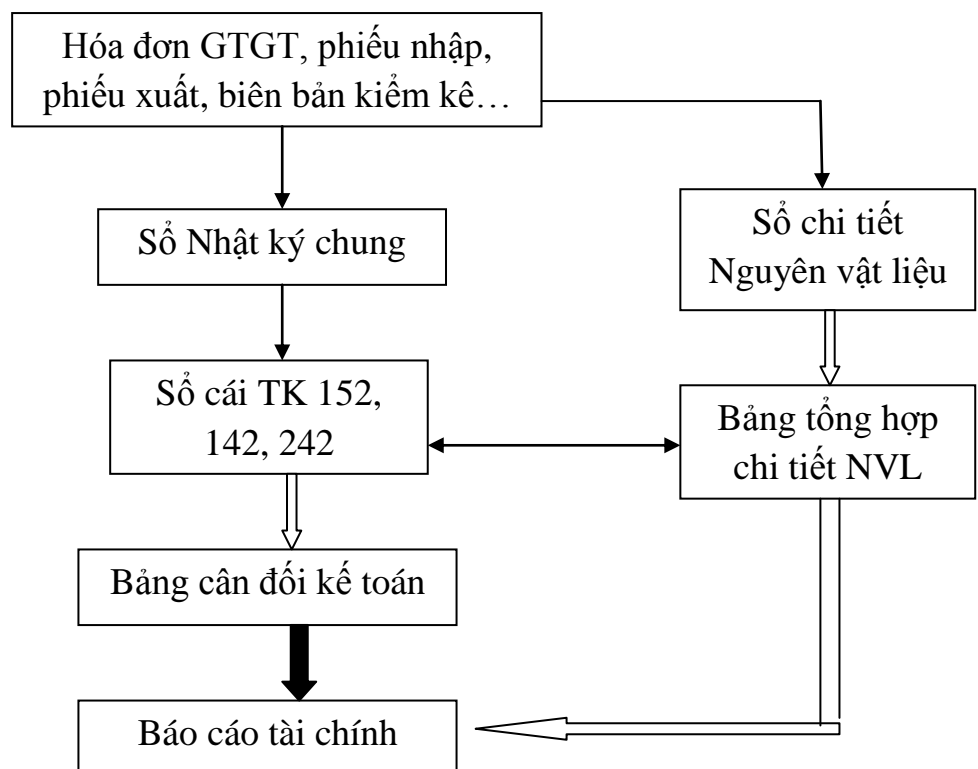


## Quy trình vào sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

### ❖ Trình tự ghi sổ kế toán như sau:

1. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc ghi vào sổ nhật ký chung, sổ thẻ, kế toán chi tiết.
  2. Từ Nhật ký chung vào sổ cái các tài khoản.
  3. Tổng hợp các tài khoản chi tiết, lập bảng tổng hợp chi tiết.
  4. Đối chiếu, kiểm tra số liệu trước khi lập báo cáo.
  5. Lập báo cáo quyết toán:
    - Bảng cân đối tài khoản
    - Bảng cân đối kế toán
    - Bảng báo cáo kết quả kinh doanh
    - Thuyết minh báo cáo tài chính
- c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho
- Công ty sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên.
  - Tính giá NVL-CCDC theo phương pháp đích danh.
  - Hạch toán chi tiết NVL-CCDC theo phương pháp thẻ song song.

### Sơ đồ kế toán Nguyên vật liệu- CCDC





## **2.2. Thực trạng tổ chức kế toán nguyên vật liệu, CCDC tại công ty**

### **2.2.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu, CCDC tại công ty**

#### **2.2.1.1. Đặc điểm nguyên vật liệu, CCDC của công ty**

Công ty TNHH nhựa Ngọc Hải là công ty chuyên sản xuất đồ nhựa dân dụng và nhựa công nghiệp, do đó nguyên vật liệu chính là hạt nhựa nguyên sinh.

Hạt nhựa nguyên sinh công ty sử dụng chủ yếu có 2 loại:

- Hạt nhựa PP: có độ mềm dẻo, dùng để sản xuất đồ gia dụng như ghế, xô, mắ, chậu...

- Hạt nhựa ABS: có tính chịu lực tốt, dùng để sản xuất đồ nhựa công nghiệp như khay gạch, thùng loại lớn, khay hải sản, mũ bảo hộ...

Ngoài ra, công ty còn sử dụng 1 số loại hạt nhựa khác như nhựa PVC (làm ống nước..), nhựa HDPE (dùng làm can nhựa, bình nhựa..)

NVL thường được doanh nghiệp mua lại của những công ty thương mại chuyên cung cấp nguyên vật liệu để sản xuất nhựa.

Công cụ dụng cụ của công ty chia thành 3 loại:

- Vật dụng của công nhân: quần áo bảo hộ, găng tay, xẻng xúc..
- Đồ chứa nguyên vật liệu, sản phẩm: thùng chứa, xe đẩy (loại thô xơ)...
- Những chi tiết của máy móc phải thay định kỳ: ốc vít, nắp đậy....

#### **2.2.1.2. Phân loại nguyên vật liệu, CCDC**

\* Nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu tại công ty được chia thành 2 loại: NVL chính và NVL phụ.

- Nguyên vật liệu chính: gồm hạt nhựa và dầu hóa dẻo, chiếm khoảng 70% giá thành sản phẩm

- Nguyên vật liệu phụ: là phụ gia, chất tạo màu cho sản phẩm.

NVL xuất dùng được ký hiệu theo đơn giá mua vào. Ví dụ: ngày 24 tháng 1 năm 2011 mua hạt nhựa nguyên sinh PP HE125MO số lượng 20.000 kg, đơn giá bao gồm cả thuế VAT 10% là 34.500đồng/kg. Đơn giá chưa thuế là 31.363636 đồng/kg. Vậy khi xuất số NVL được mua ở trên, kế toán sẽ dùng đơn giá 31.363636 để ký hiệu cho số NVL mua vào ngày đó.

\* Công cụ dụng cụ

Trong quá trình sản xuất, CCDC của công ty không được chi tiết hóa theo tài khoản để hạch toán. Tuy nhiên, dựa trên giá trị của từng loại CCDC mà kế toán hạch toán vào tài khoản 142 hoặc tài khoản 242 để phân bổ dần giá trị. Công cụ dụng cụ của công ty chủ yếu là những thiết bị, phụ tùng phục vụ cho công tác sản xuất sản phẩm như ốc vít, đồ dùng của công nhân viên (ũng, xẻng, thùng chứa nguyên vật liệu...)

2.2.1.3. Tình hình quản lý nguyên vật liệu, CCDC tại công ty

Nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ của công ty thuộc loại dễ bảo quản, tạo điều kiện cho công tác quản lý vật liệu được dễ dàng hơn. Tuy nhiên, việc quản lý vẫn phải hết sức chặt chẽ về mặt số lượng, nhằm đảm bảo tính tiết kiệm, hiệu quả trong sử dụng, hạn chế mức thấp nhất việc thất thoát vật liệu.

- Ở khâu thu mua: mỗi lần thu mua, công ty đều cho nhập với số lượng lớn, do vậy việc quản lý số lượng và chất lượng của Nguyên vật liệu đầu vào được giao cho thu kho cùng bên kiểm định chất lượng của công ty. Vật liệu trước khi nhập kho phải được kiểm tra chặt chẽ về mặt số lượng, hạt nhựa không bị pha lẫn tạp chất, đảm bảo chất lượng của sản phẩm đầu ra.

- Ở khâu bảo quản: do số lượng và chủng loại vật tư lớn nên việc bảo quản vật tư ở công ty rất được chú trọng. Nguyên vật liệu được xếp riêng theo từng chủng loại, thuận tiện cho việc kiểm kê và xuất NVL khi cần đến. Hạt nhựa, dầu hóa dẻo là những NVL cần tránh nơi có nhiệt độ cao nên kho chứa cũng được ngăn cách với khu vực sản xuất, tránh việc nhiệt độ cao làm hỏng hạt nhựa. NVL được đựng trong các bao, thùng chứa, dễ dàng khi cần xuất dùng.

- Ở khâu dự trữ: do công ty chủ yếu sản xuất theo đơn đặt hàng nên luôn cần một lượng NVL nhất định để đảm bảo cung cấp kịp thời cho sản xuất, đảm bảo tiến độ theo đơn hàng. Lượng vật tư cần thiết dự trữ được lập bởi phòng kinh doanh-bán hàng.

- Ở khâu sử dụng: NVL chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên việc tiết kiệm, sử dụng hiệu quả vật tư là rất quan trọng. Trước mỗi 1 đơn hàng hay 1

lần xuất NVL để sản xuất, phòng kinh doanh-bán hàng sẽ có nhiệm vụ tính ra số lượng tương đối NVL cần dùng dựa trên định mức NVL của từng loại sản phẩm. Việc tính toán này nhằm đảm bảo số lượng NVL xuất dùng sẽ được sử dụng hết, hạn chế xuất thừa hay thất thoát NVL.

### 2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu, CCDC tại công ty

#### 2.2.2.1. Tính giá nguyên vật liệu, CCDC nhập kho

Việc đánh giá NVL có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với công tác kế toán vật liệu của công ty. Phương pháp tính giá hợp lý sẽ giúp cho việc hạch toán được tiến hành thuận lợi chính xác, đảm bảo phản ánh đúng tình hình vật liệu trong công ty.

#### **Đối với vật liệu mua ngoài:**

$$\begin{array}{r} \text{Trị giá thực tế} \\ \text{vật liệu mua} \\ \text{vào} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Trị giá mua} \\ \text{ghi trên hóa} \\ \text{đơn} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{thu mua} \\ \text{thực tế} \\ \text{phát sinh} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{thuế không} \\ \text{được hoàn} \\ \text{lại} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chiết khấu} \\ \text{thương mại,} \\ \text{giảm giá} \end{array}$$

#### **Đối với vật liệu từ nguồn phế liệu công ty đi thu mua:**

$$\begin{array}{r} \text{Trị giá} \\ \text{nhập kho} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Trị giá mua} \\ \text{trên hóa} \\ \text{đơn} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chiết khấu} \\ \text{TM, giảm} \\ \text{giá} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí xử lý,} \\ \text{chế biến, gia} \\ \text{công thành hạt} \\ \text{nhựa} \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{Trị giá mua trên hóa} \\ \text{đơn} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Số lượng vật liệu} \\ \text{mua vào} \end{array} \times \begin{array}{r} \text{Đơn giá} \\ \text{mua} \end{array}$$

#### 2.2.2.2. Tính giá nguyên vật liệu, CCDC xuất kho

Công ty áp dụng tính giá xuất kho theo phương pháp đích danh: theo phương pháp này, giá xuất kho sẽ là giá thực tế nhập của lô vật liệu đó.

$$\begin{array}{r} \text{Trị giá NVL xuất kho} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Số lượng NVL} \\ \text{xuất kho} \end{array} \times \begin{array}{r} \text{Đơn giá mua} \end{array}$$

### 2.2.3. Trình tự thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu, CCDC tại công ty

#### 2.2.3.1. Trình tự thủ tục nhập kho

❖ Chứng từ sử dụng trong quá trình nhập kho tại công ty:

- Hóa đơn GTGT
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư hàng hóa (mẫu số 03-VT)
- Phiếu nhập kho (mẫu số 01-VT)

❖ Quy trình tổ chức **phiếu nhập kho** tại công ty:

Bước 1: Người giao hàng (có thể là nhân viên phụ trách thu mua, nhân viên sản xuất của DN hoặc người bán) đề nghị giao hàng nhập kho.

Bước 2: Ban kiểm nhận lập biên bản nhận cho nhập kho vật tư, hàng hóa, sản phẩm. Ban kiểm nhận bao gồm thủ kho, kế toán, cán bộ phụ trách bộ phận, người đề nghị giao hàng.

Bước 3: Kế toán hoặc phụ trách bộ phận sẽ tiến hành lập Phiếu nhập kho theo hóa đơn mua hàng và biên bản kiểm nghiệm vật tư với ban kiểm nhận.

Bước 4: Người lập phiếu, người giao hàng và phụ trách bộ phận ký vào Phiếu nhập kho.

Bước 5: Chuyển Phiếu nhập kho cho thủ kho tiến hành việc kiểm nhận, nhập hàng, ghi sổ và ký Phiếu nhập kho.

Bước 6: Chuyển Phiếu nhập kho cho kế toán để ghi sổ kế toán.

Bước 7: Kế toán tổ chức bảo quản và lưu trữ phiếu nhập.

Ví dụ: Ngày 2 tháng 6 năm 2011, nhập kho nguyên vật liệu của Công ty cổ phần đầu tư và phát triển công nghiệp Hưng Thịnh, hóa đơn GTGT số 8302 (biểu số 01). Khi hàng về, phòng kiểm định chất lượng của công ty cùng kế toán, thủ kho tiến hành lập biên bản kiểm nghiệm vật tư (biểu số 02). Căn cứ vào hóa đơn GTGT và biên bản kiểm nghiệm, kế toán lập phiếu nhập kho (biểu số 03). Phiếu nhập kho được lập thành 3 liên



**Biểu số 02. Biên bản kiểm kê vật tư hàng hóa**

**CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI**  
Số 208- An Đông –An Dương- Hải Phòng

**Mẫu số: 03 - VT**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM**  
**VẬT TƯ, CÔNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**  
Ngày..2..tháng 6...năm 2011  
Số 8302

Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông/Bà: Nguyễn Thị Lan Anh Chức vụ : kế toán trưởng

Đại diện.....Trưởng ban

+ Ông/Bà.: Trần Quốc Huy Chức vụ: trưởng phòng kiểm định chất lượng

Đại diện.....Ủy viên...

+ Ông/Bà: Nguyễn Xuân Lan Chức vụ: thủ kho

Đại diện.....Ủy viên.

Đã kiểm nghiệm các loại:

Số TT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F
	Hạt nhựa PP K8009			kg	100.000	100.000		

Ý kiến của Ban kiểm nghiệm: *đủ tiêu chuẩn nhập kho*

**Đại diện kỹ thuật**

( ký, họ tên)

**Thủ kho**

( ký, họ tên)

**Trưởng ban**

( ký, họ tên)

**Biểu số 03. Phiếu nhập kho**

**CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI**  
Số 208- An Đông –An Dương- Hải Phòng

**Mẫu số: 01 - VT**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU NHẬP KHO**  
Ngày..2..tháng.6...năm.2011  
Số 8302

Nợ 152,1331  
Có 331

Họ tên người giao hàng: công ty TNHH MTV nhựa Đông Hải

Địa chỉ: km 39-QL5- Hưng Thịnh-Bình Giang- Hải Dương

Lý do nhập hàng:

Nhập tại kho:

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Hạt nhựa nguyên sinh 28.300		kg	100.000		28.300	2.830.000.000
	Cộng						2.830.000.000

Tổng số tiền ( viết bằng chữ ):*hai tỷ tám trăm ba mươi triệu đồng chẵn*

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày..2..tháng..6..năm 2011

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người giao hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
**(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhận)**  
(Ký, họ tên)

### 2.2.3.2. Trình tự thủ tục xuất kho

- ❖ Chứng từ sử dụng trong quá trình xuất kho vật tư tại công ty
  - Phiếu xuất kho (mẫu số 02-VT)
  - Hóa đơn GTGT (trường hợp doanh nghiệp bán cho đơn vị khác)

- ❖ Quy trình tổ chức **phiếu xuất kho** tại công ty:

Bước 1: Người có nhu cầu về vật tư, sản phẩm, hàng hóa lập giấy xin xuất hoặc ra lệnh xuất đối với vật tư, sản phẩm, hàng hóa.

Bước 2: Chuyển cho chủ doanh nghiệp (Giám đốc) hoặc phụ trách đơn vị duyệt lệnh xuất.

Bước 3: Phụ trách bộ phận hoặc kế toán căn cứ vào hóa đơn GTGT, giấy đề nghị xuất hoặc lệnh xuất tiến hành lập Phiếu xuất kho.

Bước 4: Chuyển Phiếu xuất kho cho thủ kho tiến hành xuất vật tư, sản phẩm, hàng hóa; sau đó, ký vào Phiếu xuất kho rồi giao chứng từ lại cho kế toán.

Bước 5: Khi nhận Phiếu xuất kho, chuyển cho Kế toán trưởng ký duyệt chứng từ rồi ghi sổ kế toán.

Bước 6: Trình Phiếu xuất kho cho Giám đốc ký duyệt chứng từ, thường là trình ký theo định kỳ, vì chứng từ đã được duyệt xuất ngay từ đầu, nên thủ trưởng chỉ kiểm tra lại và ký duyệt.

Bước 7: Kế toán sẽ tiến hành bảo quản và lưu giữ chứng từ

Chúng loại sản phẩm sản xuất ở công ty là rất đa dạng, mỗi loại sản phẩm có một mức tiêu hao NVL riêng. Vì vậy, đối với hoạt động xuất NVL cho sản xuất, căn cứ để lập phiếu xuất kho là bảng định mức tiêu hao NVL do phòng tài chính lập, nhằm tính ra số NVL cần xuất để phục vụ cho sản xuất mặt hàng nào đó.

Đối với hoạt động xuất bán Nguyên vật liệu, ngoài việc lập phiếu xuất dựa trên đơn đặt hàng (hoặc hợp đồng kinh tế), kế toán còn lập hóa đơn GTGT để phản ánh nghiệp vụ xuất bán. Hóa đơn được lập thành 3 liên, liên 1 lưu tại phòng kinh doanh, liên 2 giao khách hàng, liên 3 kế toán giữ để ghi sổ.

Ví dụ: Ngày 6 tháng 6 năm 2011, xuất kho hạt nhựa PP 17.595,6 bán cho công ty TNHH MTV thương mại vận tải Đức Thành, hóa đơn GTGT số 5643.



Giám đốc ký lệnh xuất kho (biểu số 04). Căn cứ vào hóa đơn, kế toán lập phiếu xuất kho (biểu số 05). Phương pháp tính giá xuất kho công ty sử dụng là phương pháp đích danh.

**Biểu số 04. Lệnh xuất kho**

**CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI**  
**Số 208- An Đồng –An Dương- Hải Phòng**

**LỆNH XUẤT KHO**

Số: 0264

Họ tên người nhận: Công ty TNHH MTV thương mại vận tải Đức Thành

Lý do xuất: xuất bán

Thời gian xuất: ngày 6 tháng 6 năm 2011

Số TT	Tên hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Ghi chú
				Theo hóa đơn	Thực xuất	
01	hạt nhựa PP 17.595,6		kg	30.000		

**Giám đốc ký, đóng dấu**

**Biểu số 05. Phiếu xuất kho**

**CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI**

**Mẫu số: 02 - VT**

**Số 208- An Đồng –An Dương- Hải**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

**Phòng**

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

*Nợ 632*

Ngày..6..tháng.6...năm 2011

*Có 152*

Số 0264

- Họ và tên người nhận: Công ty TNHH MTV thương mại vận tải Đức Thành

- theo hóa đơn GTGT số 5643 ngày 06 tháng 06 năm 2011

STT	Tên, quy cách vật tư hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
	hạt nhựa PP 17.595,6		kg	30.000		17.595,6	527.868.000
	Cộng						527.868.000

- Tổng số tiền ( viết bằng chữ ): năm trăm hai bảy triệu tám trăm sáu tám nghìn đồng chẵn.

- Số chứng từ gốc kèm theo:

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người giao hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

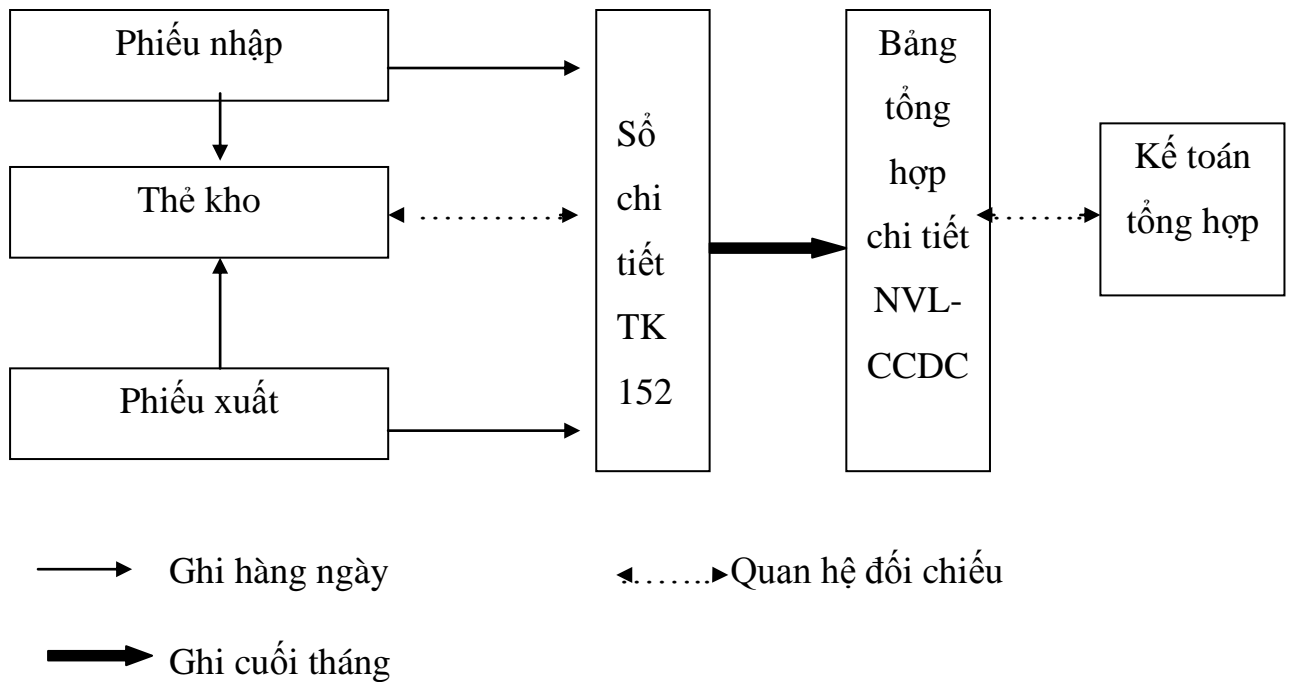
*Ngày 06 tháng 06 năm 2011*  
**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên)

#### 2.2.4. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu, CCDC tại công ty

Ngoài việc hạch toán tổng hợp NVL để theo dõi cụ thể về mặt số lượng và giá trị của từng loại NVL-CCDC, công ty còn áp dụng phương pháp thẻ song song để hạch toán nhập xuất NVL-CCDC.

##### Sơ đồ hạch toán chi tiết vật tư, CCDC theo phương pháp thẻ song song



**Tại kho:** phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng, giảm vật liệu, CCDC về mặt lượng

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ nhập xuất vật tư (phiếu nhập- phiếu xuất) thủ kho thực hiện việc nhập- xuất kho và ghi số lượng vật tư thực nhập, thực xuất vào phiếu nhập kho, phiếu xuất kho và thẻ kho

- Mỗi chứng từ được ghi vào một dòng trên thẻ kho. Thẻ kho được mở theo từng danh điểm vật tư.

- Hàng ngày hoặc định kỳ, thủ kho phải tập hợp chứng từ nhập- xuất vật tư và giao cho kế toán .

- Cuối tháng, thủ kho phải tiến hành cộng tổng số lượng vật tư nhập- xuất trong tháng, từ đó tính ra lượng vật tư tồn cuối tháng theo từng danh điểm vật tư.

**Tại phòng kế toán:** phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng, giảm vật tư, CCDC về cả mặt lượng và giá trị.

- Kế toán mở sổ kế toán chi tiết vật tư theo từng danh điểm vật tư tương ứng đã ghi ở thẻ kho.

- Hàng ngày hoặc định kỳ, khi nhận được các chứng từ nhập- xuất vật tư do thủ kho chuyển tới, kế toán kiểm tra, ghi đơn giá và tính ra thành tiền cho từng chứng từ nhập- xuất vật tư. Sau đó lần lượt ghi các nghiệp vụ nhập xuất vào sổ kế toán chi tiết theo từng danh điểm vật tư.

Cuối tháng, kế toán phải tiến hành cộng sổ kế toán chi tiết, để đối chiếu với thẻ kho của thủ kho về mặt số lượng, đồng thời lập bảng tổng hợp chi tiết N-X-T kho vật tư để đối chiếu việc nhập xuất về mặt giá trị.

❖ Kế toán chi tiết Nguyên vật liệu

**Ví dụ 1:** về các nghiệp vụ phát sinh nhập, xuất của hạt nhựa 36.106,45

- Tồn đầu tháng 6/2011 : không có

- Ngày 2/6/2011, nhập kho 30.000 kg mua của Trung tâm thương mại dịch vụ và xuất khẩu lao động Petromanning. Căn cứ ghi thẻ là phiếu nhập kho số 9764(biểu số 06) , hóa đơn GTGT số 9764 –biểu số 05

- Ngày 3/6/2011, xuất 700kg cho sản xuất sản phẩm, căn cứ ghi thẻ là phiếu xuất kho số 0255.(biểu số 07)

- Ngày 3/6/2011, xuất 650kg cho sản xuất sản phẩm, căn cứ ghi thẻ là phiếu xuất kho số 0256.(biểu số 08)

- Ngày 7/6/2011, xuất 15.000 kg bán cho công ty TNHH TM và SX nội thất cao cấp Thành Đạt. căn cứ ghi thẻ là phiếu xuất số 0266- biểu số 10 (theo hóa đơn GTGT số 8637- biểu số 09)

Căn cứ vào các phiếu nhập, phiếu xuất, thủ kho tiến hành ghi thẻ kho. Cuối tháng cộng tổng để đối chiếu với sổ chi tiết nguyên vật liệu của kế toán.

Tại phòng kế toán, căn cứ các chứng từ nhập xuất, hóa đơn GTGT, kế toán ghi sổ chi tiết tài khoản 152. Cuối tháng, căn cứ số liệu trên sổ chi tiết Nguyên vật liệu, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết (TK 152).

**Biểu số 06. Hóa đơn GTGT (nguồn phòng kế toán)**

<p><b>HÓA ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b></p> <p>Liên 2: giao khách hàng Ngày 1 tháng 6 năm 2011</p>			<p><b>Mẫu số 01 GTKT3/001</b> Ký hiệu: AA/11T Số: 0009764</p>		
<p>Đơn vị bán hàng: Trung tâm thương mại dịch vụ và xuất khẩu lao động Petromanning</p> <p>Địa chỉ: 17 Ngô Quyền - Hoàn Kiếm - Hà Nội. Điện thoại: +84.4.39362779 Mã số thuế: Số tài khoản:</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: Đơn vị: công ty TNHH nhựa Ngọc Hải Địa chỉ: số 18 đường cầu Bính, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng Số tài khoản: Hình thức thanh toán: Mã số thuế:</p>					
STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Hạt nhựa nguyên sinh PP		30.000	36.106,45	1.083.193.500
Cộng tiền hàng:					1.083.193.500
Thuế suất GTGT: 10%					Tiền thuế GTGT: 108.319.350
Tổng cộng tiền thanh toán:					1.191.512.850
<p>Số tiền viết bằng chữ: một tỷ một trăm chín một triệu năm trăm mười hai nghìn tám trăm năm mươi đồng</p>					
<p><b>Người mua hàng</b> (kí, ghi rõ họ tên)</p>		<p><b>Người bán hàng</b> (kí, ghi rõ họ tên)</p>		<p><b>Thủ trưởng đơn vị</b> (kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</p>	

**Biểu số 07. Phiếu nhập kho**

**CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI**  
Số 208- An Đông –An Dương- Hải Phòng

**Mẫu số: 01 - VT**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU NHẬP KHO**  
Ngày..2..tháng.6...năm.2011  
Số 9764

Nợ 152,1331  
Có 331

Họ tên người giao hàng: Trung tâm TMDV và xuất khẩu lao động Petromanning  
Địa chỉ: 11.2 CT3 tòa nhà Vimenco- Trung Hòa- Cầu Giấy- Hà Nội  
Lý do nhập hàng:

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Hạt nhựa nguyên sinh 36.106,45		kg	30.000		36.106,45	1.083.193.500
	Cộng						1.083.193.500

Tổng số tiền (bằng chữ): *một tỷ không trăm tám ba triệu một trăm chín ba nghìn năm trăm đồng*  
Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày..2..tháng..6..năm 2011

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người giao hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 08. Phiếu xuất kho**

**CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI**  
Số 208- An Đông –An Dương- Hải Phòng

**Mẫu số: 02 - VT**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**  
Ngày 3 tháng 6 năm 2011  
Số 0255

*Nợ 1541*  
*Có 152*

Họ tên người nhận:

Xuất tại kho:

Lí do xuất: xuất kho nhựa 36.106,45-

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Hạt nhựa nguyên sinh PP		kg	700		36.106,45	25.274.515
	Cộng						

Tổng số tiền ( viết bằng chữ ): *hai mươi lăm triệu hai trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm mười lăm đồng*

Số chứng từ gốc kèm theo:

*Ngày 3 tháng 6 năm 2011*

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người giao hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 09. Phiếu xuất kho**

**CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI**

Số 208- An Đông –An Dương- Hải Phòng

**Mẫu số: 02 - VT**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

*Nợ 1541*

Ngày 3 tháng 6 năm 2011

*Có152*

Số 0256

Họ tên người nhận:

Xuất tại kho:

Lí do xuất: xuất kho hạt 36.106,45

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Hạt nhựa nguyên sinh PP		kg	650		36.106,45	23.469.193
	Cộng						

Tổng số tiền ( viết bằng chữ ):*hai mươi ba triệu bốn trăm sáu chín nghìn một trăm chín ba đồng*

Số chứng từ gốc kèm theo:

*Ngày 3 tháng 6 năm 2011*

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

**Người giao hàng**  
(Ký, họ tên)

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
**(Hoặc bộ phận có nhu cầu nhận)**  
(Ký, họ tên)



**Biểu số 10. Hóa đơn GTGT (nguồn phòng Kế toán)**

<p><b>HÓA ĐƠN</b> <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 1: lưu Ngày 7 tháng 6 năm 2011</p>			<p><b>Mẫu số 01 GTKT3/001</b> Ký hiệu: AA/11T Số: 0008637</p>		
<p>Đơn vị bán hàng: công ty TNHH nhựa Ngọc Hải Địa chỉ: số 18 đường cầu Bính, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng Điện thoại: Mã số thuế: 0200428385 Số tài khoản:</p>					
<p>Họ tên người mua hàng: Đơn vị: công ty TNHH TM và SX nội thất cao cấp Thành Đạt Địa chỉ: số 491 Ngô Gia Tự, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội Số tài khoản: Hình thức thanh toán: <span style="float: right;">Mã số thuế:</span></p>					
STT	Tên hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Hạt nhựa nguyên sinh PP	kg	15.000	37.100	556.500.000
Cộng tiền hàng:					556.500.000
Thuế suất GTGT: 10%				Tiền thuế GTGT:	55.650.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					612.150.000
Số tiền viết bằng chữ: <i>sáu trăm mười hai triệu một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn</i>					
<p><b>Người mua hàng</b> (kí, ghi rõ họ tên)</p>		<p><b>Người bán hàng</b> (kí, ghi rõ họ tên)</p>		<p><b>Thủ trưởng đơn vị</b> (kí, đóng dấu, ghi rõ họ tên)</p>	

**Biểu số 11. Phiếu xuất kho**

**CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI**

Số 208- An Đông –An Dương- Hải Phòng

**Mẫu số: 02 - VT**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

*Nợ 632*

Ngày 7 tháng 6 năm 2011

*Có152*

Số 0266

Họ tên người nhận: công ty TNHH TM và SX nội thất cao cấp Thành Đạt

Xuất tại kho:

STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
	Hạt nhựa nguyên sinh PP		kg	15.000		36.106,45	541.596.750
	Cộng						

Tổng số tiền ( viết bằng chữ ): *năm trăm bốn một triệu năm trăm chín sáu nghìn bảy trăm năm mươi đồng*

Số chứng từ gốc kèm theo: hóa đơn GTGT

*Ngày 7 tháng 6 năm 2011*

**Người lập phiếu**

(Ký, họ tên)

**Người giao hàng**

(Ký, họ tên)

**Thủ kho**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 12. Thẻ kho**

**CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI**  
Số 208- An Đồng –An Dương- Hải Phòng

**Mẫu số S09 - DNN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**THẺ KHO (SỔ KHO)**

Ngày lập thẻ: 1/1/2011

Tờ số: 04

Tên nhãn hiệu, quy cách, vật tư: hạt nhựa 36.106,45

Đơn vị tính: kg

Mã số:

Số TT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Số lượng			Ký xác nhận
		Nhập	Xuất		Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	1	2	3	G
				<b>Tồn đầu tháng</b>			<b>0</b>	
1	2/6	9764		Nhập kho hạt nhựa 30.106,45	30.000		30.000	
2	3/6		0255	Xuất cho sản xuất		700	29.300	
3	3/6		0256	Xuất cho sản xuất		650	28.650	
4	7/6		0266	Xuất bán cho công ty TNHH TM và SX nội thất cao cấp Thành Đạt		15.000	13.650	
..	...	...	...	.....	..	..	..	
				<b>Cộng</b>	<b>30.000</b>	<b>18.550</b>	<b>11.450</b>	

Sổ này có ....trang, đánh từ trang 01 đến trang.....

Ngày mở sổ: .....

Ngày ...30.... tháng ....6..... năm 2011

**Thủ kho**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 13. Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ**

**CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI**  
Số 208- An Đồng –An Dương- Hải Phòng

**Mẫu số S07 - DNN**  
(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa**

Tháng 6 năm 2011

Tài khoản 152

Tên, quy cách nguyên vật liệu: hạt nhựa 36.106,45

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
SH	NT				SL	Thành tiền	SL	Thành tiền	SL	Thành tiền
A	B	C	D	1	2	3=1*2	4	5=1*4	6	7=1*6
		<b>Tồn đầu kỳ</b>							<b>0</b>	<b>0</b>
9764	2/6	Nhập kho	331	36.106,45	30.000	1.083.193.500			30.000	1.083.193.500
0255	3/6	Xuất kho cho sx	1541	36.106,45			700	25.274.515	29.300	1.057.918.985
0256	3/6	Xuất kho cho sx	1541	36.106,45			650	23.469.193	28.650	1.034.449.792
0266	7/6	Xuất bán- CT Thành Đạt	632	36.106,45			15.000	541.596.750	13.650	492.852.962
...	...	.....	...	...	...	...	...	.....	...	.....
		<b>Cộng tháng</b>			<b>30.000</b>	<b>1.083.193.500</b>	<b>18.550</b>	<b>669.774.648</b>	<b>11.450</b>	<b>413.418.853</b>

**Biểu số 14. Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu**

**CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI**

Số 208- An Đông –An Dương- Hải Phòng

**Mẫu số S08 - DNN**

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT  
VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ**

**Tài khoản: 152**

Tháng 06 năm 2011

STT	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
1	Hạt nhựa 24.1	1.084.500.000	0	795.300.000	289.200.000
2	Hạt nhựa 22,727273	0	1.136.363.640	802.272.737	334.090.903
3	Hạt nhựa 30.106,45	0	1.083.193.500	669.774.648	413.418.853
	.....	.....	.....	....	...
	<b>Cộng</b>	<b>19.985.532.754</b>	<b>4.135.978.730</b>	<b>6.750.893.579</b>	<b>17.370.617.905</b>

Ngày 30 tháng 06 năm.2011

**Người lập**

(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

Cuối tháng, kế toán của công ty sẽ tiến hành đối chiếu số liệu trên Sổ chi tiết nguyên vật liệu với Thẻ kho của thủ kho, mỗi Sổ chi tiết sẽ tương ứng với 1 Thẻ kho theo từng danh điểm vật tư. Ngoài việc đối chiếu về mặt lượng với thủ kho, kế toán còn đối chiếu về mặt lượng giữa Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết nguyên vật liệu. Việc đối chiếu này nhằm đảm bảo việc nhập xuất vật tư trong kỳ của công ty được theo dõi sát sao, đầy đủ, tránh bị thất thoát nguyên vật liệu.

❖ Kế toán chi tiết Công cụ dụng cụ

Tại doanh nghiệp không tiến hành kế toán chi tiết Công cụ dụng cụ do không theo dõi Công cụ dụng cụ trên TK 153

### **2.2.5. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu, CCDC tại công ty**

#### 2.2.5.1. Tài khoản sử dụng

Kế toán hạch toán tổng hợp NVL-CCDC tại công ty theo phương pháp kê khai thường xuyên. Việc dùng tài khoản trong quá trình hạch toán giúp Ban lãnh đạo, các phòng ban tiết kiệm được thời gian ghi chép, theo dõi được tình hình biến động của NVL-CCDC.

Những tài khoản cơ bản được kế toán sử dụng trong việc hạch toán NVL-CCDC

- Tk 151: hàng mua đang đi đường
- Tk152: nguyên vật liệu
- Tk 142, 242: chi phí trả trước (phản ánh giá trị CCDC mua về được đưa vào chi phí trả trước để phân bổ dần)
- Tk 154 (1541): chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- Tk 133: thuế GTGT đầu vào được khấu trừ
- Tk 642: chi phí quản lý doanh nghiệp
- Tk 111, 112: tiền mặt, TGNH
- Tk 331: phải trả người bán (kế toán mở sổ chi tiết với từng đối tượng)

#### 2.2.5.2. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Các nghiệp vụ nhập kho NVL, mua CCDC chủ yếu đều là mua ngoài. Phòng kinh doanh sẽ căn cứ vào tình hình sản xuất và kinh doanh lượng NVL của những

tháng trước để tính ra số lượng tương đối của số NVL cần mua. Công ty có nhiều nguồn mua NVL nên việc lập sổ chi tiết thanh toán với người bán là rất quan trọng. ngoài ra, 1 trong những hoạt động quan trọng của công ty là mua và bán lại NVL cho những doanh nghiệp khác. Nên bên cạnh Sổ chi tiết thanh toán với người bán, công ty còn lập Sổ chi tiết thanh toán với người mua. Việc này giúp cho kế toán và ban giám đốc của công ty có thể theo dõi chi tiết tình hình thanh toán nợ với các bên mua- bán, từ đó cân nhắc việc sử dụng nguồn vốn của công ty.

➤ Khi nhập kho NVL, kế toán sẽ ghi Nợ TK 152, tùy vào hình thức thanh toán, ghi Có các TK liên quan

Nợ TK TK 152                      trị giá NVL nhập kho

Nợ TK TK 133                      thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Có TK TK 111, 112, 331 tổng tiền phải thanh toán (chi tiết từng đối tượng)

➤ Các nghiệp vụ làm giảm NVL: xuất cho sản xuất sản phẩm và xuất bán  
Đối với nghiệp vụ xuất cho sản xuất, kế toán ghi

Nợ TK 1541    trị giá xuất kho

Có TK 152

Đối với nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu bán cho công ty khác:

- Phản ánh giá vốn

Nợ TK 632                      trị giá vốn hàng xuất

Có TK 152                      trị giá NVL xuất kho bán

- Phản ánh doanh thu

Nợ TK 112, 131

Có TK 511                      doanh thu

Có TK 3331                      thuế GTGT

Ví dụ 2: Căn cứ vào các phiếu nhập, phiếu xuất, hóa đơn của các nghiệp vụ phát sinh trong ví dụ 1 (trang 56), kế toán định khoản:

- Ngày 2/6/2011, nhập kho 30.000 kg NVL, đơn giá chưa thuế VAT 10% là 36.106,45 đồng.

Nợ TK 152                      1.083.193.500

## Khóa luận tốt nghiệp

---

Nợ TK 133                    108.319.350

Có TK 331                    1.191.512.850

- Ngày 3/6/2011, xuất 700kg NVL cho sản xuất, đơn giá xuất 36.106,45 đồng.

Nợ TK 1541                    25.274.515

Có TK 152                    25.274.515

- Ngày 3/6/2011, xuất 650kg NVL cho sản xuất, đơn giá xuất 36.106,45 đồng.

Nợ TK 1541                    23.469.193

Có TK 152                    23.469.193

- Ngày 7/6/2011, xuất 15.000 kg bán cho công ty TNHH TM và SX nội thất cao cấp Thành Đạt. Giá vốn 36.106,45 đồng/kg. Giá bán chưa thuế VAT 10% là 37.100 đồng/kg.

Nợ TK 632                    541.596.750

Có TK 152                    541.596.750

Nợ TK 131                    612.150.000

Có TK 511                    556.500.000

Có TK 3331                    55.650.000

Kế toán tiến hành ghi sổ Nhật ký chung. Định kỳ 5 ngày/lần kế toán vào sổ cái các tài khoản liên quan.



**Biểu số 15. Nhật ký chung**

**CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI**  
Số 208- An Đồng – An Dương- Hải Phòng

**Mẫu số: S03a – DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 6 Năm: 2011

*Đơn vị tính: đồng*

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
...	...	...	.....	...	...	...	.....	.....
2/6	9764	2/6	Nhập kho hạt nhựa 36.106,45			152 133 331	1.083.193.500 108.319.350	1.191.512.850
...	...	...	.....			...	.....	...
3/6	0255	3/6	Xuất kho hạt nhựa 36.106,45			1541 152	25.274.515	25.274.515
3/6	0256	3/6	Xuất kho hạt nhựa 36.106,45			1541 152	23.469.193	23.469.193
..	...	...	.....			...	.....	.....
7/6	0266	7/6	Xuất kho Hạt nhựa 36.106,45- công ty TNHH TM và SX nội thất cao cấp Thành Đạt			632 152  131 511 3331	541.596.750  612.150.000	541.596.750  556.500.000 55.650.000
....	....	....	.....				.....	.....
			Cộng phát sinh				39.674.760.366	39.674.760.366

- Số này có.....trang, đánh từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

*Ngày 30 tháng 6 năm 2011*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 16. Sổ cái**

**CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI**  
Số 208- An Đông – An Dương- Hải Phòng

**Mẫu số: S03b – DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tháng 6 năm 2011

Tên tài khoản : nguyên vật liệu

Số hiệu 152

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật kí chung		SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			-Số dư đầu tháng				19.985.532.754	
5/6	9764	2/6	Nhập kho hạt nhựa 36.106,45			331	1.083.193.500	
5/6	0255	3/6	Xuất kho hạt nhựa 36.106,45			1541		25.274.515
5/6	0256	3/6	Xuất kho hạt nhựa 36.106,45			1541		23.469.193
10/6	0266	7/6	Xuất kho Hạt nhựa 36.106,45- công ty TNHH TM và SX nội thất cao cấp Thành Đạt .....			632		541.596.750
		....					.....	.....
			Cộng phát sinh				4.135.978.730	6.750.893.579
			Số dư cuối tháng				17.370.617.905	

- Sổ này có.....trang, đánh từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5.3. Kế toán tổng hợp Công cụ dụng cụ

Tại công ty, kế toán không sử dụng tài khoản 153 để phản ánh công cụ dụng cụ mà đưa thẳng vào TK 142 hoặc TK 242.

Ví dụ 3: ngày 1/6/2011, mua quần áo bảo hộ, găng tay bảo hộ về sử dụng tại xưởng sản xuất, hóa đơn GTGT số 45854 (biểu số 18). Kế toán xác định thời gian phân bổ của CCDC là 15 tháng, kế toán ghi sổ:

Nợ TK 242	1.710.000
Nợ TK 133	171.000
Có TK 111	1.881.000

Cuối tháng 6/2011, kế toán tính số tiền phân bổ trong tháng

Số tiền phân bổ =  $1.710.000/15$  tháng = 114.000 đồng

Nợ TK 6422	114.000
Có TK 242	114.000

Căn cứ vào chứng từ mua bán, kế toán lập bảng phân bổ CCDC, đồng thời vào sổ Nhật ký chung các nghiệp vụ phát sinh. Theo định kỳ ghi sổ cái TK 242, TK 6422.



**Biểu số 18. Bảng phân bổ công cụ dụng cụ**

**CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI**  
Số 208- An Đông –An Dương- Hải Phòng

**Mẫu số: 07- VT**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG PHÂN BỐ CÔNG CỤ DỤNG CỤ**

Ngày mở sổ 1/1/2011

Mã	Tên công cụ	Tổng phân bố	Ngày mua	Tiền đã phân bổ	Còn lại	Số tháng PB	Tiền phân bố	TK đối ứng
....	.....	.....	...	....	.....	....	.....	....
6358	Xe đẩy hàng	1.530.000	19/1/11	255.000	1.275.000	30	51.000	6422
5752	Xẻng, mũ	980.000	24/4/11	81.666	898.334	24	40.833	6422
45854	Quần áo, găng tay bảo hộ	1.710.000	1/6/11	114.000	1.596.000	15	114.000	6422
<b>Cộng</b>		<b>176.980.000</b>		<b>57.869.677</b>	<b>119.110.323</b>		<b>8.126.433</b>	

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Ngày 30 tháng 6 năm 2011  
Giám đốc

**Biểu số 19. Nhật ký chung**

**CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI**  
Số 208- An Đông – An Dương- Hải Phòng

**Mẫu số: S03a – DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Tháng 6 Năm: 2011

*Đơn vị tính: đồng*

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
...	...	...	.....	...	...	...	.....	.....
1/6	45854	1/6	Mua CCDC			242 133 111	1.710.000 171.000	1.881.000
2/6	9764	2/6	Nhập kho hạt nhựa 36.106,45			152 133 331	1.083.193.500 108.319.350	1.191.512.850
...	...	...	.....			...	.....	...
3/6	0255	3/6	Xuất kho hạt nhựa 36.106,45			1541 152	25.274.515	25.274.515
..	...	...	...			...	.....	.....
7/6	0266	7/6	Xuất kho Hạt nhựa 36.106,45- công ty TNHH TM và SX nội thất cao cấp Thành Đạt			632 152  131 511 3331	541.596.750	541.596.750
....	....	....	.....			...	.....	.....
30/ 6	BPB	30/ 6	Phân bổ chi phí CCDC			6422 242	8.126.433	8.126.433
			Cộng phát sinh				39.674.760.366	39.674.760.366

- Sổ này có.....trang, đánh từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 20. Sổ cái**

**CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI**  
Số 208- An Đông –An Dương- Hải Phòng

**Mẫu số: S03b – DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tháng 6 năm 2011

Tên tài khoản : chi phí trả trước dài hạn

Số hiệu 242

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật kí chung		SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			-Số dư đầu tháng				121.546.256	
.. 5/6	... 45854	1/6	... Mua CCDC			.. 111	... 1.710.000	
... 30/6	... BPB	... 30/6	.... Phân bổ chi phí CCDC			.... 6422	....	8.126.433
			Cộng phát sinh				5.690.500	8.126.433
			Số dư cuối tháng				119.110.323	

- Sổ này có.....trang, đánh từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 21. Sổ cái**

**CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI**  
Số 208- An Đông –An Dương- Hải Phòng

**Mẫu số: S03b – DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tháng 6 năm 2011

Tên tài khoản : chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu 6422

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
5/6	12265	1/6	Trích nộp tiền dịch vụ vệ sinh			331	320.000	
5/6	22458	5/6	Trích nộp tiền nước			331	3.739.223	
10/6	126475	7/6	mua dầu diesel			331	387.568	
...	....	...	...			...	...	
25/6	56793	21/6	trích thanh toán tiền cước vận chuyển			331	18.000.000	
...	...	...	...			...	...	
30/6	BPB	30/6	phân bổ CCDC			242	8.126.433	...
30/6	KHTS CD	30/6	KHTS T6/11			241	424.345.976	
30/6	TH600	30/6	Kết chuyển chi phí			9111		697.796.735
			Cộng phát sinh				697.796.735	697.796.735

- Sổ này có.....trang, đánh từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



c. Kiểm kê, đánh giá vật tư tồn kho

Tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải công tác kiểm kê vật tư tồn kho được tiến hành định kỳ mỗi tháng 1 lần. Các nhân viên ở phòng kế toán cùng phòng kế hoạch và các nhân viên tại kho kiểm kê và ghi kết quả vào biên bản kiểm kê. Trên biên bản kiểm kê thể hiện đầy đủ thông tin về số lượng tồn kho trên sổ sách và trên thực tế kiểm tra.

Hoạt động kiểm kê của công ty chủ yếu là để xác định số lượng hàng tồn cuối mỗi tháng để đối chiếu với số liệu trên sổ sách. Việc thừa hoặc thiếu vật tư rất ít khi xảy ra tại công ty. Số lượng NVL xuất cho sản xuất thường được phòng kế hoạch tính toán trước, vì vậy lượng NVL thừa được hạn chế. Trường hợp 1 số sản phẩm ra bị lỗi, các chi phí của phần sản phẩm lỗi này được đưa ngay vào giá vốn, còn trường hợp NVL thừa sẽ được nhập lại kho.

**2.3. Nhận xét chung về tổ chức kế toán nguyên vật liệu, CCDC tại công ty**

Sau hơn 10 năm hình thành và phát triển, trải qua nhiều khó khăn, công ty TNHH nhựa Ngọc Hải đã đi vào ổn định và đang trong chiều hướng phát triển, mở rộng sản xuất hơn nữa. Sản phẩm của công ty đã tạo được chỗ đứng trên thị trường, thu nhập của công nhân viên được cải thiện. Đạt được như vậy là nhờ quá trình phấn đấu không ngừng trong việc sử dụng đồng bộ nhiều biện pháp tổ chức kỹ thuật và quản lý của các bộ phận trong toàn công ty. Một trong những biện pháp cơ bản và đem lại hiệu quả mà công ty đang thực hiện là tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm trên cơ sở đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm.

Để thực hiện được điều này, việc tăng cường công tác quản lý và hoàn thiện công tác kế toán NVL là cần thiết vì đây là một trong những biện pháp hữu hiệu, quan trọng nhất góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tránh mất mát, hao hụt, hư hỏng trong quá trình sản xuất kinh doanh mà vẫn đảm bảo được chất lượng của sản phẩm sản xuất ra.

Sau một thời gian thực tập tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải, được tiếp xúc với công tác kế toán tại công ty, cùng những kiến thức đã học ở trường em xin nêu

lên một số nhận xét của cá nhân về thực trạng công tác kế toán NVL tại công ty như sau.

### **2.3.1. Những kết quả đạt được**

- Thứ nhất: Về bộ máy kế toán

Công ty đã tổ chức bộ máy kế toán khá gọn nhẹ, phù hợp với tình hình thực tế của công ty và quy mô hoạt động loại hình sản xuất kinh doanh. Đội ngũ nhân viên kế toán có trình độ nghiệp vụ đồng đều, có tinh thần trách nhiệm cao. Bộ máy kế toán được tổ chức theo mô hình tập trung đáp ứng yêu cầu theo dõi chi tiết, tổng hợp tại công ty. Hình thức này kịp thời đảm bảo cho việc xử lý thông tin kế toán được chặt chẽ, chính xác kịp thời và có hiệu quả.

- Thứ hai: Trong công tác quản lý NVL- CCDC

Công ty đã có nhiều chú trọng trong công tác quản lý NVL từ khâu thu mua, dự trữ, bảo quản đến khâu sử dụng.

+ Đối với công tác thu mua: công ty có phòng kiểm định chất lượng, am hiểu về chất lượng và thị trường nên việc thu mua NVL tương đối ổn định. Đồng thời, công ty thường xuyên ký hợp đồng với các nhà cung cấp có mặt hàng tốt, chất lượng cao, giá cả phù hợp, luôn đảm bảo đúng, đủ về số lượng cũng như quy cách chất lượng của NVL, giao hàng đúng hạn, kịp thời để công ty có thể sử dụng cho nhu cầu sản xuất sản phẩm được tiến hành liên tục.

+ Đối với công tác dự trữ, bảo quản: công ty có một hệ thống kho được tổ chức một cách hợp lý, phù hợp với tính chất lý, hóa học của từng loại vật tư. Bên cạnh đó, với một đội ngũ cán bộ quản lý kho có tinh thần trách nhiệm cũng như trình độ chuyên môn cao, việc quản lý NVL ở công ty được thực hiện khá nề nếp, đảm bảo vật tư được quản lý chặt chẽ, tránh được tình trạng thất thoát vật tư, gây thiệt hại cho công ty.

+ Đối với công tác sử dụng: Công ty đã xây dựng được hệ thống định mức tiêu hao NVL cho từng sản phẩm tương đối chính xác. Thông qua hệ thống định mức tiêu hao vật liệu, NVL sẽ được xuất kho sử dụng đúng mục đích, tránh thất thoát lãng phí NVL, do đó sẽ tiết kiệm được chi phí về NVL. Nhờ có định mức

tiêu hao NVL, công ty có thể tính toán một cách hợp lý mức thu mua, dự trữ và sử dụng NVL.

- Thứ ba: Về hệ thống sổ sách kế toán

Hệ thống chứng từ, sổ sách của công ty đang áp dụng hiện nay là tương đối đầy đủ, đúng với qui định của chế độ kế toán, đồng thời đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của công ty. Tại công ty không sử dụng các chứng từ, các loại sổ đặc thù nhưng chứng từ sổ sách đã được tổ chức luân chuyển 1 cách khoa học nhưng đơn giản, chặt chẽ đáp ứng nhu cầu thông tin và tạo ra mối quan hệ mật thiết lẫn nhau giữa các bộ phận trong toàn hệ thống kế toán. Việc áp dụng hệ thống sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung là rất phù hợp với 1 doanh nghiệp có quy mô vừa như công ty.

- Thứ tư: Về phương pháp hạch toán tổng hợp NVL

Để hạch toán tổng hợp NVL, công ty đã áp dụng phương pháp KKTX. Với phương pháp này, NVL được quản lý chặt chẽ và tình hình nhập, xuất, tồn kho NVL cũng sẽ được cung cấp một cách thường xuyên và kịp thời.

- Thứ năm: Về hạch toán chi tiết NVL

Công ty hạch toán chi tiết NVL theo phương pháp thẻ song song là rất phù hợp với qui mô Doanh nghiệp cũng như đặc điểm NVL của công ty. Phương pháp này đơn giản trong khâu ghi chép, đối chiếu số liệu và phát hiện sai sót, đồng thời cung cấp thông tin nhập, xuất, và tồn kho NVL kịp thời, chính xác.

Tuy nhiên bên cạnh đó, công ty cũng gặp phải những hạn chế mà công ty cần phải khắc phục và hoàn thiện, để có thể đáp ứng được cho nhu cầu ngày càng cao về thông tin cho công tác quản lý.

### **2.3.2. Những tồn tại cần khắc phục**

- Thứ nhất: Về việc lập sổ danh điểm vật tư

Công ty hiện nay đang sử dụng một số lượng lớn NVL với nhiều chủng loại khác nhau mà lại không lập sổ danh điểm vật tư để thống nhất tên gọi của vật tư. Do đó gây khó khăn cho việc theo dõi NVL.

- Thứ hai: hạch toán NVL thừa nhập lại kho

Về nguyên tắc, khi không sử dụng hết NVL, khi nhập lại kho kế toán phải định khoản nghiệp vụ nhập kho. Nhưng do số lượng NVL thừa sau quá trình sản xuất thường không nhiều nên kế toán không hạch toán mà cho nhập kho luôn.

- Thứ ba: lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Hiện tại công ty chưa lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Tại kho của công ty luôn có một lượng lớn vật tư tồn kho, do đó việc lập dự phòng trong kinh doanh là để hạn chế bớt những thiệt hại và để chủ động hơn về tài chính trong các trường hợp xảy ra rủi ro do các nguyên nhân khách quan giảm giá vật tư.

- Thứ tư: về hạch toán Công cụ dụng cụ

Hiện nay đối với công cụ dụng cụ, khi mua về sử dụng, kế toán doanh nghiệp đưa thẳng vào TK 242- chi phí trả trước dài hạn. Việc không theo dõi chi tiết trên TK 153 sẽ khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong công tác quản lý các loại công cụ dụng cụ (như về số lượng, công cụ bị hỏng...)

- Thứ năm: về hạch toán Nguyên vật liệu xuất bán

Nguyên vật liệu mua về để sản xuất sản phẩm cũng được doanh nghiệp sử dụng như hàng hóa để bán lại cho các doanh nghiệp khác. Khi xuất bán kế toán định khoản Nợ TK 632, Có TK 152. Việc hạch toán như vậy có thể dẫn đến hiểu lầm là nghiệp vụ phản ánh lượng NVL hao hụt trong định mức được đưa vào giá vốn. Do đó kế toán cần có cách xử lý để tránh nhầm lẫn trong quá trình hạch toán.

- Thứ sáu: Về việc ghi chép sổ

Sổ cái các tài khoản được doanh nghiệp ghi sổ 5 ngày/ lần. Cách ghi chép này không đúng với quy trình ghi sổ hàng ngày của sổ cái. Trong 1 ngày có thể phát sinh nhiều nghiệp vụ, việc ghi chép 5 ngày/ lần dễ khiến kế toán bỏ sót nghiệp vụ.

- Thứ bảy: bộ máy kế toán của doanh nghiệp

Bộ máy kế toán của công ty gồm có kế toán trưởng, kế toán lương, kế toán ngân hàng và thủ quỹ, thiếu kế toán vật tư. Mặt khác, về mảng Nguyên vật liệu, công ty có rất nhiều chủng loại cũng như luôn có số lượng lớn vật tư trong kho, do vậy một yêu cầu đặt ra là cần có 1 kế toán vật tư chuyên phụ trách phần này của công ty.

- Thứ tám: Áp dụng kế toán máy trong các phần hành kế toán

Hiện nay, ở công ty việc hạch toán kế toán vẫn còn làm thủ công, chủ yếu là ghi chép bằng tay, còn nếu dùng máy tính thì cũng chỉ là sử dụng bảng tính Excel để tính toán và kẻ bảng biểu chứ công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán. Việc làm kế toán như vậy rất tốn thời gian, mất nhiều công sức lại không chính xác. Khi việc sử dụng phần mềm kế toán đã trở nên thông dụng như ngày nay thì kế toán thủ công đã trở nên lỗi thời. Việc sử dụng phần mềm kế toán là rất cần thiết để cho việc lập các chứng từ chính xác hơn, thông tin được phản ánh cung cấp kịp thời và giảm bớt được khối lượng công tác kế toán.

## **CHƯƠNG 3:**

### **MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU- CÔNG CỤ DỤNG CỤ TẠI CÔNG TY**

#### **3.1. Định hướng phát triển của công ty**

Sau hơn 10 năm thành lập, công ty nhựa Ngọc Hải đã tạo dựng được vị trí vững chắc trên thị trường Hải Phòng. Mặc dù những năm gần đây công ty gặp một số khó khăn về tài chính cũng như về việc bán hàng, nhưng ban lãnh đạo cùng đội ngũ công nhân viên vẫn vững tâm, cùng nhau vượt qua thời kỳ khó khăn của công ty nói riêng, của nền kinh tế cả nước nói chung. Công ty không ngừng tìm những biện pháp để cải thiện tình hình kinh doanh, bên cạnh đó còn có những kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Mở rộng quy mô sản xuất, đầu tư thêm trang thiết bị, nhà xưởng
- Mở rộng thị trường, tìm thêm nhiều đối tác làm ăn lâu dài
- Nâng cao mức thu nhập của cán bộ công nhân viên

Công ty hoạt động có hiệu quả hay không phụ thuộc rất nhiều vào hoạt động của bộ phận kế toán- bộ phận đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý các hoạt động của công ty. Vì vậy, để dẫn dắt công ty đi đúng hướng, đạt được mục tiêu đề ra, trước hết bộ phận kế toán cần phải khắc phục những tồn tại của mình, hoàn thiện hơn nữa bộ máy kế toán.

#### **3.2. Một số ý kiến đề xuất về tổ chức kế toán NVL- CCDC tại công ty**

Sau một thời gian thực tập tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải, qua tiếp xúc với thực tế kết hợp với những kiến thức đã học trong trường, em xin mạnh dạn đề ra một số ý kiến với mục đích góp phần hoàn thiện công tác kế toán NVL tại công ty.

- Thứ nhất: Lập sổ danh điểm vật tư

Để phục vụ cho nhu cầu quản lý NVL tránh nhầm lẫn, thiếu sót công ty cần lập hệ thống danh điểm NVL và ghi vào sổ danh điểm vật tư theo dõi cho từng thứ, nhóm, loại NVL một cách chặt chẽ, giúp cho công tác hạch toán và quản lý được

thực hiện dễ dàng. Nhất là trong điều kiện hiện nay, công ty đang ứng dụng tin học vào kế toán thì việc lập hệ thống danh điểm NVL càng cần thiết vì nó sẽ giúp cho việc quản lý NVL trên máy tính được dễ dàng hơn.

Việc lập hệ thống danh điểm NVL phải đảm bảo tính thống nhất và có sự kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận phòng ban trong toàn công ty. Sổ danh điểm NVL lập ra phải tiện cho hạch toán và quản lý, đảm bảo có thể sử dụng lâu dài. Khi sổ danh điểm NVL được lập, kế toán vật tư có thể theo dõi NVL trên máy vi tính, tạo được sự thống nhất giữa kế toán vật tư và thủ kho trong việc theo dõi, phản ánh từng loại NVL.

\* Nguyên tắc xây dựng danh điểm vật tư:

Kế toán có thể dùng ngay mã của vật liệu khi mua để làm danh điểm cho loại vật tư đó. Việc ghi rõ mã của vật tư thay vì đơn giá sẽ giúp cho kế toán và các nhân viên kho dễ dàng trong việc xác định loại NVL, công dụng của nó. Ví dụ như nhựa PP để làm đồ gia dụng, nhựa ABS là đồ dùng có tính chịu lực cao... Như vậy việc xuất và quản lý NVL sẽ dễ dàng hơn.

Ví dụ về việc lập sổ danh điểm (biểu số 21)

STT	Tên vật liệu	Loại vật liệu	Kho	Danh điểm
01	Hạt nhựa nguyên sinh PP HE125MO	VL chính	1	HE125MO-1
02	Hạt nhựa nguyên sinh PP T3034	VL chính	1	T3034-1
03	Hạt nhựa ABS 121H	VL chính	2	121H-2
04	Hạt nhựa HDUV 2208J	VL chính	2	HDUV 2208J-2
05	Bột màu	VL phụ	1	B-1

### Biểu số 22. Sổ danh điểm vật tư

- Thứ hai: Về việc hạch toán NVL thừa nhập kho

NVL thừa nhập lại kho không được hạch toán sẽ dẫn đến việc thừa NVL khi kiểm kê mà không biết rõ nguyên nhân, mặc dù lượng NVL thừa mỗi lần sản xuất

xong không nhiều. Nhưng nếu không hạch toán rõ ràng, khi kiểm kê sẽ khó khăn hơn. Khi nhập lại kho lượng NVL thừa kế toán chỉ cần ghi bút toán:

Nợ TK 152      trị giá NVL thừa nhập kho  
    Có TK 1541

- Thứ ba: Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập khi giá trị thuần (giá bán ước tính trừ đi các chi phí phát sinh liên quan đến việc bán hàng), nhỏ hơn giá gốc của vật tư. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế xảy ra do vật tư bị giảm giá...

Công ty nên tiến hành lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nói chung và cho NVL nói riêng. Việc lập dự phòng sẽ giúp cho công ty có được khoản để bù đắp khi NVL bị giảm giá. Việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

Số dự phòng cần lập dựa trên số lượng của mỗi loại HTK theo kiểm kê và thực tế diễn biến giá trong năm có sự kết hợp với dự báo giá sẽ diễn biến trong niên độ tiếp theo.

**Mức dự  
phòng cần lập  
cho năm sau  
(n+1)**      =      **Số lượng hàng  
tồn các loại**      x      **Mức chênh  
lệch giá mỗi  
loại**

Cuối niên độ kế toán nếu có những chứng cứ chắc chắn về giá trị thực tế của vật liệu tồn kho thấp hơn giá thị trường, kế toán lập dự phòng giảm giá vật liệu:

Nợ TK 632  
    Có TK 1593      Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Trường hợp khoản dự phòng giảm giá vật liệu phải lập cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá vật liệu đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì số chênh lệch lớn hơn được lập thêm, kế toán ghi:

Nợ TK 632  
    Có TK 1593

Trường hợp khoản dự phòng giảm giá vật liệu phải lập cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá vật liệu đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước thì số chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập, kế toán ghi:



Nợ TK 1593

Có TK 632

*Ví dụ:* lập dự phòng cho cuối năm 2011

Căn cứ bảng trích lập dự phòng (biểu số 23), kế toán ghi:

Nợ TK 632                    97.790.560

Có TK 1593                    97.790.560

**Bảng trích lập dự phòng giảm giá NVL**

ĐVT: đồng

STT	Tên vật liệu	Đơn vị tính	SL tồn	Đơn giá ghi sổ	Đơn giá thị trường	Chênh lệch	Mức dự phòng
01	Nhựa PP K800	kg	10.540	37.690	37.667	-23	242.420
02	Nhựa PP J350	kg	11.320	36.150	35.732	-418	4.731.760
03	Nhựa PP 5032E1	kg	18.650	35.334	34.950	384	
04	Nhựa ABS 757K	Kg	30.750	37.545	37.300	-245	7.533.750
...	.....	...	...	...	...	...	...
	<b>Cộng</b>						<b>97.790.560</b>

**Biểu số 23. Bảng trích lập dự phòng cuối năm 2011**

Ghi chú: số liệu bảng trên được lấy giả định.

- Thứ tư: Về việc hạch toán công cụ dụng cụ

Khi CCDC được mua về sử dụng tại doanh nghiệp, kế toán nên đưa vào TK 153 và theo dõi từng loại CCDC trên sổ chi tiết. Việc hạch toán chi tiết như vậy sẽ giúp doanh nghiệp theo dõi được lượng CCDC, tránh thất thoát, cũng như kịp thời bổ sung khi có CCDC hỏng.

Kết cấu tài khoản 153- công cụ dụng cụ:

Bên Nợ:

- + Trị giá thực tế của công cụ, dụng cụ nhập kho do mua ngoài
- + Trị giá công cụ, dụng cụ cho thuê nhập lại kho;
- + Trị giá thực tế của công cụ, dụng cụ thừa phát hiện khi kiểm kê

Bên Có:

- + Trị giá thực tế của công cụ, dụng cụ xuất kho sử dụng cho sản xuất

- + Chiết khấu thương mại khi mua công cụ, dụng cụ được hưởng;
- + Trị giá công cụ, dụng cụ trả lại cho người bán hoặc được người bán giảm giá
- + Trị giá công cụ, dụng cụ thiếu phát hiện trong kiểm kê;

Số dư bên Nợ: Trị giá thực tế của công cụ, dụng cụ tồn kho.

Lấy ví dụ 3: ngày 1/6/2011, mua quần áo bảo hộ, găng tay bảo hộ về sử dụng tại xưởng sản xuất, hóa đơn GTGT số 45854. Kế toán xác định thời gian phân bổ của CCDC là 15 tháng, kế toán ghi sổ:

Nợ TK 153                      1.710.000

Nợ TK 133                      171.000

Có TK 111                      1.881.000

Khi xuất CCDC cho sản xuất, ước tính thời gian phân bổ 15 tháng, kế toán ghi:

Nợ TK 242                      1.710.000

Có TK 153                      1.710.000

Cuối tháng 6/2011, kế toán tính số tiền phân bổ trong tháng

Số tiền phân bổ =  $1.710.000 / 15 \text{ tháng} = 114.000 \text{ đồng}$

Nợ TK 6422                      114.000

Có TK 242                      114.000

**Biểu số 24. Sổ cái**

**CÔNG TY TNHH NHỰA NGỌC HẢI**  
Số 208- An Đông –An Dương- Hải Phòng

**Mẫu số: S03b – DNN**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tháng 6 năm 2011

Tên tài khoản : công cụ dụng cụ

Số hiệu 153

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật kí chung		SH TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT		Trang số	STT dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
			-Số dư đầu tháng					
.. 5/6	... 45854	1/6	... Mua CCDC			.. 111	... 1.710.000	
... 30/6	... BPB	... 30/ 6	.... Xuất CCDC cho sản xuất			.... 242	....	1.710.000
			Cộng phát sinh					
			Số dư cuối tháng					

- Sổ này có.....trang, đánh từ trang số 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ: .....

Ngày 30 tháng 6 năm 2011

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Thứ năm: Về hạch toán NVL xuất bán

Để tránh nhầm lẫn giữa bút toán phản ánh NVL hao hụt trong định mức và bút toán phản ánh giá vốn, kế toán nên hạch toán riêng những NVL thường được sử dụng để bán lại sang TK 156- hàng hóa.

+ Đối với NVL chỉ sử dụng để xuất bán: phản ánh tất cả giá trị vào TK 156- hàng hóa.

+ Đối với NVL vừa để bán, vừa để sản xuất: căn cứ vào nhu cầu và số lượng trong những tháng trước, tính ra lượng NVL ước tính cần thiết để phục vụ cho sản xuất. Căn cứ vào số tính được, đưa giá trị NVL dùng cho sản xuất vào TK 152- nguyên vật liệu, giá trị NVL dùng để bán đưa vào TK 156- hàng hóa.

- Thứ sáu: về việc ghi chép sổ

Kế toán doanh nghiệp nên thực hiện đúng quy trình ghi sổ cái là ghi định kỳ hàng ngày để tránh bỏ sót nghiệp vụ

- Thứ bảy: Bộ máy kế toán tại công ty

Hiện tại kế toán trưởng là người tổng hợp sổ sách kế toán của toàn công ty, bên cạnh đó phải kiêm cả nhiệm vụ của kế toán vật tư, theo dõi chi tiết tình hình nhập xuất vật tư, lập bản kế hoạch sử dụng vật tư ... Mặt khác, lượng vật tư của công ty là tương đối lớn, kế toán trưởng phải làm nhiều nhiệm vụ cùng một lúc dễ dẫn đến những sai sót, nhầm lẫn trong quá trình làm việc. Do đó, ban lãnh đạo công ty cần có riêng một kế toán vật tư, chuyên trách mảng Vật tư cho công ty. Như vậy sẽ đảm bảo được tính chuyên môn, tạo điều kiện cho nhân viên tập trung, đảm bảo hiệu quả công việc kế toán nói riêng, hiệu quả của toàn doanh nghiệp nói chung.

- Thứ tám: Áp dụng hình thức kế toán máy

Mặc dù hệ thống kế toán của công ty đã được trang bị hệ thống máy tính khá đầy đủ nhưng phần mềm kế toán máy vẫn chưa được xây dựng và cài đặt hoàn chỉnh do đó chưa đáp ứng được yêu cầu cập nhật số liệu và cung cấp thông tin một cách đầy đủ và chính xác. Công việc kế toán mặc dù có sự trợ giúp của máy vi tính nhưng kế toán vẫn phải sử dụng cả phương pháp thủ công trong quá trình hạch

toán NVL. Do đó, máy vi tính mới chỉ sử dụng để hỗ trợ trong một số công việc chứ chưa thực sự phát huy được hiệu quả đối với toàn bộ công tác kế toán. Vì vậy cần phát huy hơn nữa vai trò của Máy vi tính trong công tác hạch toán và quản lý của công ty.

Để có thể khắc phục được những hạn chế của việc áp dụng máy vi tính trong công tác hạch toán, công ty cần xây dựng một phần mềm kế toán hoàn chỉnh theo hình thức Nhật ký chung, nhằm phát huy tối đa hiệu quả của việc lập, luân chuyển, xử lý chứng từ và truy xuất thông tin trên máy, tạo điều kiện cung cấp thông tin tài chính cho công tác quản lý đạt hiệu quả cao nhất.

Công ty có thể tham khảo một số phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ sau:

- Phần mềm kế toán Simba: cập nhật đầy đủ các biểu mẫu mới nhất của Bộ tài chính; cho phép bảo mật và phân quyền truy cập; dễ sử dụng, nhiều tính năng hỗ trợ người dùng...

- Phần mềm kế toán Misa: cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu; thao tác Lưu và Ghi sổ dữ liệu...

- Phần mềm kế toán AccPro: cho phép nhiều chi nhánh, công ty truy cập cùng lúc nhưng vẫn đảm bảo tính an toàn; hỗ trợ đa ngôn ngữ...

Đồng thời, công ty cũng nên chú ý tới công tác đào tạo, bồi dưỡng thêm cho các nhân viên kế toán nhanh chóng thích nghi với việc sử dụng kế toán máy trong công tác kế toán, giúp cho việc hạch toán được tiến hành nhanh, gọn nhẹ hơn. Các thông tin sẽ được cung cấp một cách nhanh chóng chính xác và kịp thời nhất.

## KẾT LUẬN

Trong quá trình sản xuất, NVL-CCDC là một yếu tố không thể thiếu để cấu thành sản phẩm. NVL-CCDC đóng một vai trò quan trọng, nó vừa là đối tượng lao động vừa là cơ sở vật chất trực tiếp tạo ra sản phẩm, chiếm một tỷ trọng lớn trong quá trình sản xuất. Trong thế chuyên mình của Đất nước, các doanh nghiệp luôn tìm mọi cách để đạt được chi phí thấp nhất thông qua việc giảm chi phí NVL-CCDC. Để làm được điều đó thì ngay từ khâu mua, bảo quản, dự trữ đến sử dụng NVL-CCDC phải tiến hành một cách khoa học, chặt chẽ.

Trong thời gian thực tập tài phòng Kế toán của công ty TNHH nhựa Ngọc Hải, em đã được tiếp cận với thực tiễn của công tác hạch toán kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của công ty, hệ thống các chứng từ cũng như hệ thống sổ sách kế toán và Báo cáo tài chính của công ty. Từ đó em hiểu sâu sắc hơn về các kiến thức mình đã được học trong quá trình học tập và có được một số kinh nghiệm thực tiễn. Giai đoạn thực tập tại công ty đã giúp em nhận thấy được vai trò của kế toán NVL-CCDC trong quản lý NVL-CCDC nói riêng và quản lý sản xuất nói chung, đồng thời em thấy được cần phải vận dụng lý thuyết vào thực tiễn như thế nào để đạt được hiệu quả cao nhất.

Qua nghiên cứu đề tài em đã hiểu rõ hơn về vai trò của NVL-CCDC trong sản xuất và khái quát được sơ bộ về thực trạng kế toán NVL-CCDC tại công ty nhựa Ngọc Hải. Từ đó thấy được ưu, nhược điểm của công tác kế toán NVL-CCDC cũng như công tác quản lý sử dụng NVL-CCDC tại công ty TNHH nhựa Ngọc Hải, tìm ra nguyên nhân và đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện vấn đề sao cho phù hợp với tình chung của Đất nước, phù hợp với điều kiện kinh doanh hiện nay và đảm bảo đúng theo chế độ kế toán hiện hành của Nhà nước.

Trong quá trình thực tập, em đã tìm hiểu và thu thập số liệu có liên quan đến kế toán NVL-CCDC. Tuy nhiên trong khuôn khổ chuyên đề tốt nghiệp chắc chắn không tránh khỏi những hạn chế và thiếu sót, em mong được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô.

Cuối cùng em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của các chị trong phòng kế toán và thạc sĩ Đào Minh Hằng đã nhiệt tình giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề này.

*Hải Phòng, ngày 29 tháng 06 năm 2012*

Sinh viên.

Lê Hồng Nhung

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Chế độ kế toán doanh (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ - BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)
2. Kế toán tài chính
3. Kế toán doanh nghiệp ( theo luật kế toán mới – nhà xuất bản thống kê Hà Nội )
4. Các khoá luận năm trước
5. Các sổ sách, chứng từ kế toán tại Công ty TNHH nhựa Ngọc Hải